**Chương III : TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG**

**Tiết 37. §1. ĐỊNH LÝ TA-LET TRONG TAM GIÁC**

**( Số tiết 1)**

**I/ MỤC TIÊU**:

**1.Về kiến thức:** Hiểuđượckhái niệm tỉ số của hai đoạn thẳng, đoạn thẳng tỉ lệ, định lý Ta-let trong tam giác.

**2. Về năng lực :** Biết cách lập các tỉ số của hai đoạn thẳng; vận dụng định lý Ta-Lét tính độ dài đoạn thẳng, có kĩ năng vẽ hình.

**3. Về thái độ:** Chú ý, tập trung trong học tập. Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Thước thẳng, êke, các bảng phụ, vẽ hình 3 SGK Phiếu học tập ghi ?3

2. Học sinh: SGK, dụng cụ học tập, bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. Hoạt động khởi động:** (giới thiệu chương)

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Nhận biết nội dung bài học  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân  - Phương tiện dạy học: SGK, thước thẳng  - Sản phẩm: Dự đoán cách tìm đoạn thẳng chưa biết | |
| GV: Cho hình vẽ:  Dựa vào các kiến thức đã học, em có thể tính x hay  không?  GV: Để tính x trên hình, ta có thể sử dụng | Không thể tính x |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Nêu khái niệm và tìm tỉ số của hai đoạn thẳng, định nghĩa hai đoạn thẳng tỉ lệ. Định lý Ta-lét trong tam giác  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động nhóm  - Phương tiện dạy học: SGK , thước thẳng  - Sản phẩm: Khái niệm tỉ số của hai đoạn thẳng. Lập tỉ lệ thức của hai đoạn thẳng tỉ lệ. Tính được độ dài đoạn thẳng. | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Yêu cầu HS thực hiện  HS đứng tại chỗ trả lời  GV: giới thiệu định nghĩa tỉ số của hai đoạn thẳng, gọi 1 HS đọc định nghĩa SGK.  HS: Phát biểu định nghĩa  GV: Nêu ví dụ về tỉ số của hai đoạn thẳng,  HS theo dõi ghi vở  GV: Có thể có đơn vị đo khác để tính tỷ số của hai đoạn thẳng AB và CD không? Hãy rút ra kết luận.?  HS: Có thể có đơn vị đo khác để tính tỷ số của hai đoạn thẳng AB và CD. Vậy tỉ số của hai đoạn thẳng không phụ thuộc vào cách chọn đơn vị đo.  GV: Nêu chú ý SGK | **1) Tỉ số của hai đoạn thẳng:**  AB = 3 cm, CD = 5 cm  EF = 4dm, MN = 7dm  \*Định nghĩa: Tỉ số của 2 đoạn thẳng là tỉ số độ dài của chúng theo cùng một đơn vị đo.  Ví dụ: AB = 300 m, CD = 500 m  \*Chú ý: Tỉ số của hai đoạn thẳng không phụ thuộc vào cách chọn đơn vị đo. |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV treo bảng phụ ?2 và hình vẽ 2.  Yêu cầu HS hoạt động cặp đôi:  + So sánh các tỉ số và ?  + Khi nào hai đoạn thẳng AB và CD tỉ lệ với hai đoạn thẳng A’B’ và C’D’?  Đại diện cặp đôi trả lời  GV: Giới thiệu AB, CD tỉ lệ với A'B', C'D'. Vậy AB và CD tỉ lệ với A'B' và C'D' khi nào?  HS: Phát biểu định nghĩa SGK | **2) Đoạn thẳng tỉ lệ:**  =  ; = =  Vậy =  \*Định nghĩa: SGK/57  AB và CD tỉ lệ với A'B' và C'D' nếu  =  hay . |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Treo bảng phụ ghi đề  lên bảng, yêu cầu HS hoạt động theo nhóm  GV: gợi ý HS làm việc theo nhóm:  + Các đoạn thẳng chắn trên AB, AC là các đoạn thẳng như thế nào?  + Tính  và; và ;  và  HS hoạt động nhóm, cử đại diện nhóm đứng tại chỗ trả lời  GV nhận xét  ? Nhận xét vị trí của đường thẳng a với 3 cạnh của tam giác?  HS: a song song với 1 cạnh và cắt 2 cạnh còn lại của tam giác.  GV: Rút ra kết luận gì từ ?  HS: Phát biểu định lý Talet  GV: Gọi 1 HS lên bảng ghi GT, KL của định lý, các HS còn lại ghi vào vở | **3. Định lý Ta-lét trong tam giác:**    Nếu đặt độ dài các đoạn thẳng bằng nhau trên đoạn AB là m, trên đoạn AC là n  =  Tương tự:  ;  \*Định lý Talet: SGK/58  GT  ABC; B'C' // BC  KL ;; |

**3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Viết tỉ số các đoạn thẳng, tính độ dài đoạn thẳng  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân  - Phương tiện dạy học: bảng phụ, SGK , thước thẳng  - Sản phẩm: Giải ?4, bài 1, bài 5 | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Yêu cầu HS làm  SGK  GV: Áp dụng định lý Talet, ta sử dụng tỉ lệ thức nào để tính x, y?  HS: a) b)  GV: gọi 2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm 1 câu, các HS còn lại làm bài vào vở  GV nhận xét, đánh giá  - Yêu cầu cá nhân làm bài 1 SGK  Gọi 3 HS lên bảng tính, HS dưới lớp làm vào vở, nhận xét bài của bạn  GV nhận xét, đánh giá | a)Vì a // BC nên theo định lý Ta Lét ta có:  x = 10: 5 = 2  b) Vì (cùng ) nên theo định lý Ta Lét ta có :    **BT1/58 SGK**  a)  ; b) c) |

**4. Hoạt động vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Viết tỉ số các đoạn thẳng, tính độ dài đoạn thẳng  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân  - Phương tiện dạy học: bảng phụ, SGK , thước thẳng  - Sản phẩm: Bài 5 | |
| **-** Tiếp tục làm 5a/59(SGK)  Yêu cầu HS lập các tỉ số bằng nhau rồi suy ra  1 HS lên bảng tính, HS dưới lớp làm vào vở, nhận xét bài của bạn  GV nhận xét, đánh giá | **BT5/59 SGK**  a) Vì a // BC nên theo định lý Ta-let ta có: |

**Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào bài toán. Nhằm mục đích phát triển năng lực vẽ hình, tự học, sáng tạo. Tự giác.

Câu 1:Phát biểu ĐL Ta Lét trong tam giác? (M1)

Câu 2 : BT5b/59 SGK (M4)

**Về nhà:**

- Học kỹ định lý Talet trong tam giác

-BTVN: 2, 3, 4/59 SGK

- Xem trước bài: “Định lý đảo và hệ quả của định lý Ta-let”.

**Tiết 38. §2. ĐỊNH LÝ ĐẢO VÀ HỆ QUẢ CỦA ĐỊNH LÝ TA-LET**

**( Số tiết 1)**

**I/ MỤC TIÊU**:

**1. Về kiến thức:** Hiểu đượcđịnh lý đảo và hệ quả của định lý Ta-let

**2. Về kỹ năng:** Biết vận dụng định lý đảo chứng minh hai đường thẳng song song; lập dãy các tỉ số bằng nhau của các đoạn thẳng tương ứng tỉ lệ.

**3. Thái độ:**. Chú ý, tập trung trong học tập. Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, hợp tác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Thước thẳng, êke, bảng phụ,

2. Học sinh: SGK, dụng cụ học tập, bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. Hoạt động khởi động:** (giới thiệu chương)

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Nhận biết nội dung bài học  - Phương phápvà kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân  - Phương tiện dạy học: Thước thẳng  - Sản phẩm: Dự đoán hai đường thẳng song song | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Cho hình vẽ:  Hãy so sánh  .  Dự đoán MN có song song với BC hay không?  GV: Chúng ta sẽ chứng minh dự đoán trên nhờ định lý Ta-lét đảo. | Dự đoán: MN//BC |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Nêu được định lý Ta-lét đảo, hệ quả của định lý Ta-lét  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm  - Phương tiện dạy học: Thước thẳng, SGK  - Sản phẩm: Định lý Ta-lét đảo, biết sử dụng định lý để chứng minh hai đường thẳng song song. Hệ quả của định lý Ta-lét | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Treo bảng phụ ghi đề bài , yêu cầu HS hoạt động nhóm thực hiện  Đại diện nhóm lên bảng trình bày  GV : qua bài tập này em rút ra kết luận gì nếu một đường thẳng cắt hai cạnh của tam giác và định ra trên hai đoạn thẳng đó những đoạn thẳng tương ứng tỉ lệ?  HS: đường thẳng đó song song với cạnh còn lại  GV: Giới thiệu định lý Talet đảo  HS: Đọc định lý SGK  GV: Yêu cầu HS ghi GT, KL của định lý  1HS lên bảng thực hiện, các HS khác làm bài vào vở  GV: Treo bảng phụ ghi đề bài , yêu cầu HS hoạt động theo nhóm thực hiện  GV gợi ý: Để tìm các cặp đường thẳng song song ta áp dụng kiến thức nào?  HS: Định lý Talet đảo  1HS lên bảng chữa câu a, các HS khác làm bài vào vở  GV: Tứ giác BDEF là hình gì? Vì sao?  HS: Tứ giác BDEF là hình bình hành vì có 2 cặp cạnh đối song song  GV: Thay vì so sánh các tỉ số  ta có thể so sánh các tỉ số nào? Vì sao?  HS:  vì BF = DE  GV: Nhận xét mối liên hệ giữa các cặp cạnh tương ứng của ADE và ABC?  HS: tương ứng tỉ lệ | **1) Định lý Talet đảo:**  1) Ta có: =  ;  =  Vậy =  2.a)Vì B’C"// BC nên theo định lý Talet ta có:  cm  b) AC" = AC' = 3cm  Ta có: B’C”//BC; C'C"B’C’ // BC  \*Định lý Talet đảo: SGK/60  ABC; B'  AB ; C'  AC  GT ;  KL B'C' // BC    a) Ta có :    DE//BC  (định lý Talet đảo)  Ta có:  EF // AB  b) Tứ giác BDEF là hình bình hành vì có 2 cặp cạnh đối song song  c)Ta có  Mà BF = DE suy ra  Các cặp cạnh tương ứng của ADE và ABC tương ứng tỉ lệ |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Giới thiệu hệ quả của định lý Talet  HS: Đọc hệ quả  GV: Vẽ hình, HS ghi GT, KL của hệ quả  1HS lên bảng thực hiện, các HS khác làm vào vở  GV: hướng dẫn HS cách c/m định lý  HS theo dõi kết hợp xem SGK  GV: Treo bảng phụ vẽ hình 11, giới thiệu phần chú ý SGK | **2) Hệ quả của định lý Talet:**  **\***Hệ quả : SGK/60  GT ABC ; B'C' // BC  ( B' AB ; C'  AC  KL  Chứng minh: SGK/61  \*Chú ý: SGK/61 |

**3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Viết tỉ số các đoạn thẳng, tính độ dài đoạn thẳng, tìm các đường thẳng song song  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân  - Phương tiện dạy học: bảng phụ, SGK , thước thẳng  - Sản phẩm: Giải ?3, | |
| GV: Treo bảng phụ vẽ hình 12 SGK, chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu HS hoạt động theo nhóm thực hiện , mỗi nhóm làm 1 câu  HS: hoạt động nhóm, cử đại diện lên bảng trình bày  GV nhận xét, đánh giá | a) Vì DE //BC nên theo hệ quả của định lý Talet :    b) Vì MN//PQ nên theo hệ quả của định lý Talet :    c) Vì EB//CF nên theo hệ quả của định lý Talet : |

**4. Hoạt động vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Viết tỉ số các đoạn thẳng, tính độ dài đoạn thẳng, tìm các đường thẳng song song  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân  - Phương tiện dạy học: bảng phụ, SGK , thước thẳng  - Sản phẩm: Bài tập 6( tr 62) | |
| GV: Treo bảng phụ vẽ hình 13 SGK, chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu HS hoạt động theo nhóm thực hiện bài 6 SGK, mỗi nhóm làm 1 câu  HS: hoạt động nhóm, cử đại diện lên bảng trình bày  GV nhận xét, đánh giá | **BT6/62 SGK:**  a) Ta có :  DE//BC  (định lý Talet đảo)  b) Ta có :  A’B’//AB  (định lý Talet đảo)  Ta có:  Mà 2 góc ở vị trí so le trong nên |

**Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào bài toán. Nhằm mục đích phát triển năng lực vẽ hình, lập luận, tự học, sáng tạo. Tự giác.

Câu 1: Phát biểu định lý Talet đảo?

Câu 2: Phát biểu hệ quả của định lý Talet?

Câu 3: BT7/62 SGK

**Về nhà:**

- Học thuộc định lý Ta-let đảo và hệ quả của định lý Ta-let.

- BTVN: 8, 9,10,11/63 SGK

**Tiết 39**: **LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Củng cố cho HS kiến thức về định lý Ta-lét, định lý Ta-lét đảo và hệ quả của nó.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng vận dụng giải bài tập về tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh các hệ thức, kĩ năng vẽ hình.

**3. Thái độ:** Chú ý, tập trung trong học tập. Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

**4. Định hướng năng lực:**

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Tính độ dài đoạn thẳng, chứng minh các hệ thức.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS:**

**1. Giáo viên:** SGK, giáo án, thước kẻ, bảng phụ.

**2. Học sinh:** SGK, thước kẻ, bài tập phần luyện tập.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1. Hoạt động khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Nêu được định lý Ta-lét đảo, hệ quả của định lý Ta-lét, cho hình vẽ. Chứng minh DE// BC. Tính DE?  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân.  - Phương tiện dạy học : SGK, bảng phụ, thước thẳng  - Sản phẩm: Học sinh chứng minh DE// BC. Tính DE? | |
| HS1: Nêu định lý Ta-lét đảo, hệ quả của định lý Ta-lét? Vẽ hình, ghi GT, KL?  HS2: Cho hình vẽ. Chứng minh DE// BC. Tính DE? | HS1: Định lý Ta-lét đảo, hệ quả của định lý Ta-lét. Vẽ hình, ghi GT, KL (SGK/60, 61)  HS2:  ;  DE//BC (Định lý Ta-lét đảo)  (hệ quả định lý Talét) |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Luyện tập cho HS cách tính độ dài đường thẳng bằng cách sử dụng định lý Ta-lét, hệ quả của định lý Ta-lét.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân.  - Phương tiện dạy học : SGK, bảng phụ, thước thẳng  - Sản phẩm: Bài 7/62 sgk | |
| GV trep bảng phụ vẽ hình 14, yêu cầu HS sửa BT 7 SGK  GV: Ở hình a, áp dụng kiến thức nào để tính x?  HS: hệ quả của định lý Ta-lét  GV: Ở hình a, áp dụng kiến thức nào để tính x, y?  HS: Tính x: hệ quả định lý Ta-lét  Tính y: định lý Pytago  GV: gọi 2 HS lên bảng làm bài, mỗi HS làm 1 câu  GV kiểm tra vở BT của HS.  HS nhận xét, GV nhận xét. | **BT 7/62 SGK:**    a)Vì MN// EF nên theo hệ quả củađịnh lý Ta-lét, ta  có :    b) Vì A’B’//AB (cùng vuông góc với AA’) nên theo hệ quả định lý Ta-lét, ta có :    Áp dụng định lý Pytago cho OAB vuông tại O, ta có :  y = OB = |

**3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Hs biết cách sử dụng định lý Ta-lét, hệ quả của định lý Ta-lét. Diện tích tam giác.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cặp đôi, nhóm.  - Phương tiện dạy học : SGK, bảng phụ, thước thẳng  - Sản phẩm: Bài 10/63 sgk | |
| - Nêu bài tập 10/63 SGK, vẽ hình 16 lên bảng . Gọi HS tóm tắt và ghi GT-KL  GV. Vận dụng kiến thức nào để chứng minh câu a?.  GV.Áp dụng hệ quả định lí Ta lét vào những tam giác nào?  GV.Trên hình vẽ có những đoạn thẳng nào song song?  GV.Có thể áp dụng hệ quả của định lí Talét vào những tam giác nào( Có liên quan đến KL)  Học sinh thảo luận cặp đôi.  HS : Nhận xét, và sửa sai  HS hợp tác làm bài câu b (thảo luận nhóm trên bảng phụ)  Từ số liệu GT cho, hãy tính  Hãy nhớ lại công thức tính SΔ và các số liệu vừa tìm được để tìm SAB’C’  GV. Theo dõi HS làm bài.  GV.Kiểm tra học sinh làm bài  GV.Nhận xét, sửa hoàn chỉnh bài làm ở bảng phụ nhóm | ***Baøi 10 trang 63 SGK***      ΔABC ; AH ⊥ BC ;  d//BC  Gt (d) caét AB taïi B’; AC  Taïi C’; AH taïi H’  AH’= 1/3AH;  SABC = 67,5  Kl a)  b) SAB’C’ = ?  **Giaûi:**  a.Áp dụng hệ quả định lí Talét:  ΔAHB ⇒  (1)  ΔAHC ⇒  (2)  b) Từ GT: AH’= 1/3AH ⇒  ⇒  màø SAB’C’ = ½ AH’.BC  SABC = ½ AH.BC  Do đó.  ⇒ SAB’C’ = 1/9 SABC = 1/9.67.5 = 7,5 (cm2) |

**4. Hoạt động vận dụng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Hs biết cách sử dụng định lý Ta-lét, hệ quả của định lý Ta-lét. Diện tích tam giác. SMNEF = ?  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân .  - Phương tiện dạy học : SGK, bảng phụ, thước thẳng  - Sản phẩm: Bài 10/63 sgk | |
| GV: Học sinh dọc bài 11 (SGK)  GV: Vẽ hình lên bảng, HS tóm tắt GT-KL  GV: Có nhận xét gì về độ dài các đoạn thẳng AK,AI, AH?  GV: Bằng cách nào để tính được MN và EF?  GV: Hướng dẫn HS thực hiện câu b  GV: Em có thể áp dụng kết quả câu b bài 10 để tính được ⇒ SAMN  ⇒ SAEF  GV: Vận dụng tính chất 2 về diện tích đa giác để tính SMNFE  GV: Gọi 1 HS thực hiện ở bảng.  HS khác Nhận xét, hoàn chỉnh bài ở bảng  GV: Còn cách nào khác để tính SMNFE  GV: Yêu cầu học sinh về nhà tính theo cách này rồi so sánh kết quả | ***Baøi 11 trang 63 SGK***        ΔABC , BC = 15cm  AH ⊥ BC; I, K∈ AH  Gt IK = KI = IH  EF//BC; MN//BC;  SABC = 27 cm2  Kl a) MN = ? ; EF = ?  b) SMNEF = ? |

**Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào bài toán. Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, Tự giác, tích cực, có kĩ năng vẽ hình..

Câu 1: Phát biểu định lý Talet đảo?

Câu 2: Phát biểu hệ quả của định lý Talet?

**Về nhà:**

- Học thuộc định lý Ta-let, định lý Ta-let đảo và hệ quả của định lý Ta-let.

- BTVN: 12,13/64 SGK

**Tiết 40. §3. TÍNH CHẤT ĐƯỜNG PHÂN GIÁC CỦA TAM GIÁC**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:** HS nhớ tính chất đường phân giác của tam giác, hiểu được cách chứng minh định lý.

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng vận dụng định lý để tính độ dài các đoạn thẳng và chứng minh hình học.

**3. Thái độ:** Chú ý, tập trung trong học tập.Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trình bày rõ ràng.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, giáo án, thước thẳng, compa, bảng phụ, thước đo góc.

**2. Học sinh:** SGK, dụng cụ học tập, bảng nhóm.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động khởi động**

- Mục tiêu: Giúp HS nhận biết được nội dung bài học

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

- Phương tiện dạy học: SGK

- Sản phẩm: Tìm ra mối quan hệ giữa hai cạnh AB, AC với hai đoạn thẳng trên cạnh BC

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| 1. Phát biểu hệ quả của định lí Ta – Lét.  2. Cho hình vẽ: hãy so sánh tỉ số  và | Trả lời đúng hệ quả của định lí Ta-Lét  So sánh được các tỉ số. |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức**

- Mục tiêu: HS phát biểu được định lý tính chất đường phân giác của tam giác. Giúp HS áp dụng định lý góc ngoài của tam giác, tính được độ dài đoạn thẳng.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm.

- Phương tiện dạy học: SGK, thước thẳng,bảng phụ

- Sản phẩm: Định lý tính chất đường phân giác của tam giác. Học sinh tính được độ dài đoạn thẳng dựa vào định lý.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1**: GV tổ chức cho hs hoạt động nhóm?1  GV: Gọi hs đọc ?1  - Vẽ tam giác ABC, biết:  AB = 3 cm ; AC = 6 cm; = 1000  + Dựng đường phân giác AD  + Đo DB; DC rồi so sánh  và  HS hoạt động nhóm  Cử đại diện lên bảng vẽ hình, so sánh tỉ số  các HS khác theo dõi, so sánh với kết quả của mình  GV: chỉ ra đoạn BD kề với đoạn AB, đoạn CD kề với đoạn AC.  **Bước 2**:Từ kết quả  GV dẫn dắt hs suy nghĩ cá nhân: em có nhận xét gì nếu phân giác của một góc chia cạnh đối diện thành hai đoạn thẳng?  HS: Phát biểu định lý SGK  **Bước 3**: GV hướng dẫn hs chứng minh định lí  GV: Vẽ hình, gọi 1 HS lên bảng ghi GT, KL của định lý  1 HS lên bảng thực hiện, các HS còn lại làm bài vào vở  GV: dựa vào kiến thức đã học về đoạn thẳng tỷ lệ, chứng minh tỷ số trên ta phải dựa vào định lý nào?  HS: Định lý Talet  GV: Vậy ta cần vẽ thêm đường thẳng nào để sử dụng được định lý?  HS: Qua B kẻ đường thẳng song song với AC  GV: Khi đó ta có tỉ số nào?  HS: =  GV: Vậy muốn chứng minh = , ta cân chứng minh thêm điều gì?  HS: BE = AB hay ABE cân tại B  GV: Chứng minh ABE cân tại B như thế nào?  GV hệ thống ghi bảng, HS theo dõi ghi vở | **1) Định lý:**    Ta có: = ;  =  \*Định lý :SGK/65    ABC, AD là tia phân giác  GT của  ( D  BC )  KL =  Chứng minh:  Qua B kẻ đường thẳng song song với AC cắt AD tại E  Áp dụng hệ quả của định lý Talet vào DAC  ta được: =  (1) (vì BE // AC)  Ta có:(gt)  Vì BE // AC nên  (so le trong)  ABE cân tại B  BE = AB (2)  Từ (1) và (2) ta có = . |
| **Bước 1**: GV Đưa ra chú ý.  khẳng định định lý vẫn đúng trong trường hợp tia phân giác của góc ngoài của tam giác  HS theo dõi ghi vở  GV: Yêu cầu HS về nhà chứng minh  **Bước 2**  GV: Treo bảng phụ vẽ hình 23 SGK, yêu cầu HS hoạt động cá nhân  GV: Nhìn vào hình vẽ a, ta áp dụng định lý trên như thế nào?  HS: AD là phân giác của nên:  **Bước 3**  GV Treo bảng phụ vẽ hình 23 SGK, yêu cầu HS hoạt động cá nhân ?3  GV: Nhìn vào hình vẽ b, áp dụng định lý trên như thế nào để tính x?  HS: DH là phân giác của nên  GV: Gọi 2 HS lên bảng trình bày, mỗi HS làm 1 câu, các HS khác làm bài vào vở  HS nhận xét, GV nhận xét | **2) Chú ý:**  =  ( AB  AC )  a) Do AD là phân giác của nên  Nếu y = 5 thì x = 5.7 : 15 =    Do DH là phân giác của nên |

**3. Hoạt động luyện tập**

- Mục tiêu: Luyện tập cho HS cách tính độ dài đường thẳng bằng cách sử dụng tính chất đường phân giác của tam giác

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân.

- Phương tiện dạy học : SGK, thước thẳng

- Sản phẩm: Lời giải bài 15 sgk

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| Gọi HS đọc bài 15 SGK, áp dụng tính chất, giải bài toán  1 HS lên bảng giải, HS dưới lớp làm vào vở, nhận xét bài của bạn  GV nhận xét, đánh giá. | BT 15 a SGK/ 67: (M3)  Vì AD là tia phân giác của góc A nên ta có: |

**4.Hoạt động vận dụng**

- Mục tiêu: Vận dụng các kiến thức đã học vào giải toán .Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học,tự sáng tạo.Tự giác, tích cực.

Về nhà:

-Học Theo vở ghi và sgk.

- Làm các bài tập 15b ; 16 ; 17 tr 67, 68 SGK.

-Làm bài tập sau:

Bài tập: Cô Hồng và cô Hoa rủ nhau tận dụng mảnh đất thừa gần nhà để trồng rau sạch. Hai cô phân công nhau: cô Hồng rào cạnh giáp con đường nhỏ dài 12 m, cô Hoa rào cạnh giáp con đường lớn dài 15 m. Hai cô thống nhất chia diện tích của mảnh đất tỉ lệ với chiều dài của hàng rào. Em hãy giúp các cô chia theo đúng sự thống nhất đó (kích thước trên hình vẽ)

- Chuẩn bị tiết sau Luyện tập.

**Tiết 41. LUYỆN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:** Củng cố định lý về tính chất đường phân giác của tam giác

**2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng tính toán, biến đổi tỉ lệ thức,tư duy logic, thao tác phân tích đi lên trong việc tìm kiếm lời giải của một bài toán chứng minh.

**3. Thái độ:** Tích cực, tự giác, biết chia sẻ sản phẩm.Rèn luyện cho HS tư duy logic, thao tác phân tích đi lên trong việc tìm kiếm lời giải của một bài toán chứng minh.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** SGK, giáo án, thước kẻ

**2. Học sinh:** SGK, thước kẻ

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

- Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại các kiến thức của bài trước.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

- Phương tiện dạy học: SGK, thước thẳng

- Sản phẩm: Câu trả lời và bài làm của hs

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| Phát biểu định lý về đường phân giác của tam giác.  - Áp dụng : giải bài 15b tr 67 SGK (GV vẽ hình 24b) | -Phát biểu định lý về đường phân giác của một tam giác đúng (SGK/65):.4đ  - Bài tập:  b) Vì PQ là tia phân giác của góc P nên:  : 6đ |

**2.Hoạt động luyện tập**

- Mục tiêu: Giúp HS vận dụng thành thạo định lý về tính chất đường phân giác của tam giác

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm

- Phương tiện dạy học: SGK, thước thẳng

- Sản phẩm: Học sinh biết vận dụng định lý để chứng minh, tính toán, biến đổi tỉ lệ thức.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| **\* Làm BT 18 SGK**  GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.  + Đọc bài toán  +1 HS lên bảng vẽ hình, các HS còn lại làm bài vào vở  ? AE là đường phân giác góc A của  thì ta có tỉ lệ thức nào?  HS:  GV: gợi ý cho HS cách tính EB, EC: có thể sử dụng các cách biến đổi tỉ lệ thức và tính chất dãy tỉ số bằng nhau để có được các tỉ lệ thức liên quan  GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm  HS: Hoạt động theo nhóm, cử đại diện lên bảng trình bày  GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án  **\* Làm BT 19 SGK**  GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.  GV: Treo bảng phụ hình vẽ  HS: Đọc đề bài toán  GV: Gợi ý: kẻ thêm đường chéo AC, AC cắt EF tại O.  GV: Yêu cầu hs dự đoán: áp dụng định lý nào trong tam giác?  HS: Áp dụng định lý Talet đối với từng  ADC và CAB  GV: Yêu cầu học sinh thực hiện nhóm  HS: Thực hiện,cử đại diện nhóm lên trình bày.  GV: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của hs, nhận xét bài và chốt kiến thức  **\* Làm BT 20 SGK**  GV: Vẽ hình 26 SGK lên bảng  GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  + Đọc bài toán  + Xét , ta có được tỉ lệ thức nào?  HS:  + Xét , ta có được tỉ lệ thức nào?  + Để chứng minh OE = OF ta cần chứng minh như thế nào?  HS:  + Từ giả thiết AB // CD, em có thể suy ra tỉ lệ thức nào liên quan đến hai tỉ lệ thức trên?  HS:  + Vậy em suy ra được điều gì?  HS:  OE = OF  1 HS lên bảng trình bày  GV nhận xét, chốt kiến thức | **BT18/68 SGK:**       |  |  | | --- | --- | | GT | ΔABC, AB = 5cm  AC = 6cm ; BC = 7cm  AE tia phân giác Â | | KL | Tính EB, EC |     Chứng minh:  Vì AE là tia phân giác của nên ta có :  ⇒  mà BE + EC = BC = 7 ⇒  ⇒ BE =.5 ≈ 3,18cm; CE = 7 − 3,18 ≈ 3,82cm  **Bài 19/68SGK**    a) Kẻ đường chéo AC cắt EF tại O. Trong ADC có AO // DC nên theo định lý Talet ta có:  (1).  Trong ABC có OF // AB nên theo định lý Talet ta có:  (2).  Từ (1)và (2) suy ra:  Chứng minh tương tự ta có:  b)  **BT 20/68 SGK :**  ABCD (AB // CD)  GT AC cắt BD tại O  EF // DC; E ∈ AD  F ∈ BC  KL OE = OF  Chứng minh :  Xét ΔADC. Vì OE // DC ta có :  (1)  Xét Δ BCD. Vì OF // DC ta có :  (2)  Xét ΔODC vì AB //DC ta có :  ⇒  ⇒  ⇒  (3)  Từ (1), (2), (3) ta có : ⇒ OE = OF |

**3.Hoạt động vận dụng**

Mục tiêu: Củng cố vận dụng các kiến thức trong bàivào giải toán .Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học,tự sáng tạo.Tự giác, tích cực.

Về nhà

- Học thuộc định lý tính chất đường phân giác của tam giác, ôn lại định lí thuận, đảo, hệ quả của định lí Ta-lét.

- Bài tập về nhà : 19 ; 22 tr 68 SGK , bài 19, 20, 21, 23 tr 69 , 70 SBT

- Chuẩn bị bài mới “Khái niệm tam giác đồng dạng”.

**Tiết 42 §4. KHÁI NIỆM HAI TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:** HS nhớ định nghĩa về hai tam giác đồng dạng .

**2. Kỹ năng:** Rèn kĩ năng chứng minh tam giác đồng dạng.

**3. Thái độ:** tự giác, tích cực, chủ động trong học tập, liên hệ về các hình đồng dạng trong thực tế đời sống.

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Thước thẳng, thước đo góc, compa, bảng phụ vẽ hình 28 sgk.

**2. Học sinh:** Thước kẻ, compa, thước đo góc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

- Mục tiêu: Học sinh chỉ ra đặc điểm giống nhau của các hình đồng dạng, tam giác đồng dạng.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

- Phương tiện dạy học: SGK

- Sản phẩm:Các hình đồng dạng

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| GV: Treo hình 28/69 sgk lên bảng và cho HS nhận xét về hình dạng, kích thước của các hình trong mỗi nhóm ?  GV giới thiệu : Những hình có hình dạng giống nhau, nhưng kích thước có thể khác nhau gọi là những hình đồng dạng. Ở đây ta chỉ xét các tam giác đồng dạng | Các hình trong mỗi nhóm có hình dạng giống nhau, nhưng kích thước có thể khác nhau |

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

- Mục tiêu: Giới thiệu cho học sinh định nghĩa, tính chất của hai tam giác đồng dạng, định lý về hai tam giác đồng dạng.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm

- Phương tiện dạy học: SGK, thước kẻ,bảng phụ.

- Sản phẩm: Định nghĩa về hai tam giác đồng dạng, tính chất tam giác đồng dạng. Định lý về hai tam giác đồng dạng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| **Bước 1**: GV giao nhiệm vụ học tập:  GV Treo bảng phụ vẽ hình 28 SGK. Nhận xét hình dạng, kích thước của các cặp hình vẽ?  HS: Cùng hình dạng, khác nhau về kích thước  GV: Giới thiệu hình đồng dạng  **Bước 2**:  GV: treo bảng phụ vẽ hình 29 SGK, yêu cầu HS thực hiện  GV: hãy nêu các cặp góc bằng nhau?  HS:  GV: Nhận xét gì về các tỉ số?  HS:  **Bước 3**  GV: Giới thiệu định nghĩa hai tam giác đồng dạng, yêu cầu HS đọc định nghĩa SGK  HS: Đứng tại chỗ đọc định nghĩa  GV: Giới thiệu kí hiệu đồng dạng, tỉ số đồng dạng, lưu ý HS viết kí hiệu theo thứ tự các cặp đỉnh tương ứng.  HS theo dõi ghi vở  GV: Ở , ABC A'B'C’ theo tỉ số đồng dạng là bao nhiêu?  HS: k =  **Bước 4**  GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm thực  hiện  HS: Hoạt động nhóm, cử đại diện nhóm đứng tại chỗ trả lời  GV: Nhận xét và yêu cầu hs suy nghĩ :Từ , hãy phát biểu tính chất của hai tam giác đồng dạng?  HS: phát biểu tính chất.  \* Củng cố: Làm bài 23 sgk | **1) Tam giác đồng dạng :**  a) Định nghĩa :        ;    \*Định nghĩa: SGK/70  ABC A'B'C'nếu  = k: tỉ số đồng dạng  b) Tính chất:  1) Nếu A'B'C' =ABC thì A'B'C' ABC, tỉ số đồng dạng là 1  2) Nếu ABC  A'B'C' theo tỉ số k thì A'B'C'ABC theo tỉ số  \*Tính chất: SGK/70  BT 23/71 SGK:  a) Hai tam giác bằng nhau thì đồng dạng với nhau Đúng  b) Hai tam giác đồng dạng với nhau thì bằng nhau Sai vì chỉ đúng khi tỉ số đồng dạng là 1 |
| **Bước 1**.  GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: yêu cầu HS thực hiện . AMN và ABC có các cạnh, các góc như thế nào?  HS: các cạnh tỉ lệ, các góc bằng nhau  GV:Vậy hai tam giác đó có đồng dạng với nhau?  HS: AMN  ABC  **Bước 2**: Gv dẫn dắt hs đến định lí  HS: Nêu định lý SGK  GV: Gọi 1 HS lên bảng ghi GT, KL của định lý, các HS còn lại làm vào vở  GV: Muốn chứng minhAMN  ABC, ta cần chứng minh điều gì?  HS: Các góc tương ứng bằng nhau và các cạnh tương ứng tỉ lệ  GV: Vì sao các góc tương ứng bằng nhau?  HS:  là góc chung,(góc đồng vị)  (góc đồng vị)  GV: Vì sao các cạnh tương ứng tỉ lệ?  HS: Vì MN // BC nên áp dụng hệ quả định lý Talet  GV hệ thống ghi bảng, HS theo dõi ghi vở  **Bước 3**:  GV: nêu chú ý SGK, HS theo dõi | **2. Định lí:** (SGK/71)  GT ABC có MN//BC  ()  KL AMN  ABC  Chứng minh:  Xét AMN và ABC có:  là góc chung  (góc đồng vị)  (góc đồng vị)  Vì MN // BC nên ta có: ( hệ quả của định lý Talet).  Vậy AMN  ABC.  \*Chú ý: SGK/71 |
|  | |
|  | |

|  |
| --- |
| **3. Hoạt động luyện tập**  - Mục tiêu: Củng cố lí thuyết. Nhận biết hai tam giác đồng dạng và lập các tỉ số đồng dạng  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân.  - Phương tiện dạy học : SGK, thước thẳng  - Sản phẩm: Nêu được các tam giác đồng dạng, lập tỉ số, tinh tỉ số đồng dạng  **Nội dung**: Tìm các cặp tam giác đồng dạng và cho biết tỉ số đồng dạng của chúng |

**Sản phẩm**:

∆ IKH ∆NMQ (k = 1)

∆A’B’C’  ∆ABC (k = 3)

∆A’B’C’ ∆DFE ()

∆ABC ∆DFE ()

**4.Hoạt động vận dụng**

Mục tiêu: Củng cố vận dụng các kiến thức trong bàivào giải toán .Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học,tự sáng tạo.Tự giác, tích cực.

Về nhà

- Học thuộc định nghĩa, tính chất, định lí về hai tam giác đồng dạng

- Bài tập về nhà : BTVN: 25, 26/72 SGK

- Chuẩn bị tiết sau luyện tập

**Tiết 43: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU :**

**1. Kiến thức**: -HS biết củng cố vững chắc định nghĩa về hai tam giác đồng dạng. Về cách viết tỷ số đồng dạng.

HS hiểu và nắm vững các bước trong việc chứng minh định lý.

**2. Kỹ năng**: - HS thực hiện được bước đầu vận dụng định nghĩa 2 đồng dạng để viết đúng các góc tương ứng bằng nhau, các cạnh tương ứng tỷ lệ và ngược lại.

- HS thực hiện thành thạo vận dụng hệ quả của định lý Talet trong chứng trong chứng minh hình học

**3. Thái độ:** Rèn luyện cho HS tư duy logic, thao tác phân tích đi lên trong việc tìm kiếm lời giải của một bài toán chứng minh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:** Thước thẳng, thước đo góc, compa, bảng phụ vẽ hình 28 sgk.

**2. Học sinh:** Thước kẻ, compa, thước đo góc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. Hoạt động khởi động:**

**Mục tiêu**: Củng cố cho học sinh định nghĩa, tính chất của hai tam giác đồng dạng,

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| HS1: Nêu khái niệm hai tam giác đồng dạng? Định lý về đồng dạng của hai tam giác?  Áp dụng: Cho hình vẽ, biết DE // BC. có đồng dạng với  không? Vì sao? Tính tỉ số đồng dạng? | - Khái niệm: SGK/70 (3đ)  - Định lý: SGK/71 (3đ)  - Áp dụng: Vì DE //BC nên  (định lý)  Tỉ số đồng dạng:  k =  (4đ) |

**2. Hoạt động luyện tập:**

**HOẠT ĐỘNG 1:** Dựng các tam giác đồng dạng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Sản phẩm** |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh biết cách dựng các tam giác đồng dạng theo tỉ số đồng dạng cho trước.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân.  - Phương tiện dạy học: SGK, thước thẳng.  - Sản phẩm: Dựng các tam giác đồng dạng theo tỉ số đồng dạng cho trước.  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: gọi HS đọc đề bài 26/72 sgk  HS: Đọc đề bài  GV: Gọi HS lần lượt nêu cách dựng:  - Đoạn thẳng theo tỉ lệ của một đoạn thẳng cho trước.  - Đường thẳng song song với một đường thẳng cho trước.  - Tam giác bằng một tam giác cho trước (trường hợp: c-c-c)  HS: Nêu cách dựng theo từng yêu cầu của GV.  GV: Cho HS hoạt động nhóm làm bài tập, sau gọi đại diện nhóm lên bảng trình bày các bước dựng và chứng minh.  HS: Thảo luận nhóm làm bài  GV: Gọi đại diện lên bảng trình bày và cho cả lớp nhận xét bài làm của nhóm | **Bài 26/72 SGK:**    \* Cách dựng :  Trên cạnh AB lấy AM =AB  Từ M kẻ MN//BC (N∈AC)  Dựng ΔA’B’C’= ΔAMN (trường hợp c.c.c)  \*Chứng minh :  Vì MN // BC(định lý tam giác đồng dạng)  Ta có : ΔAMN  ΔABC theo tỉ số k =  Có ΔA’B’C’ = ΔAMN (cách dựng)  ⇒ ΔA’B’C’  ΔABC theo tỉ số k = | |

**HOẠT ĐỘNG 2: Nhận biết cặp tam giác đồng dạng, tính chu vi của tam giác dựa vào tỉ số đồng dạng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Sản phẩm** |
| **Mục tiêu**: Giúp học sinh vận dụng định nghĩa hai tam giác đồng dạng để nhận biết cặp tam giác đồng dạng, tính được chu vi của tam giác dựa vào tỉ số đồng dạng.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm.  - Phương tiện dạy học: SGK, thước thẳng  - Sản phẩm: Tìm ra các cặp tam giác đồng dạng, tính chu vi của tam giác dựa vào tỉ số đồng dạng.  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp  B  M  C  A  N  K | | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Gọi 1HS đọc đề bài 27/68 SGK và 1HS lên bảng vẽ hình  HS: Lên bảng vẽ hình  GV: Cho HS thảo luận nhóm làm bài tập 27/72gk  HS: Thảo luận làm bài tập.  GV: Gọi 2HS đại diện lên bảng làm (mỗi HS 1 câu)  HS: 2HS lên bảng làm  GV: Gọi HS nhận xét bài làm của 2 bạn và bổ sung chỗ sai sót  GV: Gọi 1HS đọc đề bài 28/68 SGK  HS: Đọc đề bài  H: Nếu gọi chu vi ΔA’B’C’là 2P’ và chu vi Δ ABC là 2P. Em hãy nêu công thức tính 2P’ và 2P  HS: Trả lời  GV: Gọi 1 HS lên bảng áp dụng dãy tỉ số bằng nhau để lập tỉ số chu vi của ΔA’B’C’ và Δ ABC?  GV; Ta có tỉ chu vi của ΔA’B’C’và ΔABC bằng tỉ số đồng dạng  mà hiệu chu vi của hai tam giác bằng 40dm thì ta suy ra hiệu nào bằng 40dm?  HS: 2P – 2P = 40dm  GV: Gọi 1HS lên bảng làm câu b  HS: Lên bảng làm  GV: Gọi HS nhận xét và sửa sai  H: Qua bài 28. Em có nhận xét gì về tỉ số chu vi của 2 Δ đồng dạng so với tỉ số đồng dạng  HS: Vậy tỉ chu vi của hai tam giác đồng dạng bằng tỉ số đồng dạng | **BT 27/68 SGK:**  a) Nêu tất cả các cặp  tam giác đồng dạng  Δ AMNABC,  Δ MBKABC,  Δ MBKAMN.  b) Δ AMNABC, tỉ số  Δ MBKABC, tỉ số  Δ MBKAMN, tỉ số  **BT 28/68 SGK:**  a) Gọi P và P’ lần lượt là chu vi ΔABC và ΔAMN. ΔAMNABC    Vậy  b) Ta có:  =>  P’ = 40.2 = 80 dm; P = 40.3 = 120 dm | |

**3. Hoạt động vận dụng**

**Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào bài toán. Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo. Tự giác, tích cực.

− Xem lại các bài đã giải và tự rút ra phương pháp giải từng bài.

− Bài tập về nhà : 27 ; 28 /71 sbt

− Chuẩn bị bài : “Trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác”.

**Tiết 44: §5. TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG THỨ NHẤT**

**I. MỤC TIÊU :**

**1. Kiến thức**:

-HS bết định lívề trường hợp đồng dạng thứ nhất để hai tam giác đồng dạng. Về cách viết tỷ số đồng dạng.

- HS hiểu và nắm các bước trong việc CM hai tam giác đồng dạng. Dựng

AMN ABC chứng minh AMN = A'B'C' ABC  A'B'C'

**2. Kỹ năng**: - HS thực hiện được bước đầu vận dụng định lý 2 đồng dạng để viết đúng các góc tương ứng bằng nhau, các cạnh tương ứng tỷ lệ và ngược lại.

- HS thực hiện thành thạo vẽ 2 tam giác đồng dạng

**3.Thái độ:** Chú ý, tập trung trong học tập. Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

-GV: Bảng phụ, dụng cụ vẽ.

- HS : Thước,eke,com pa, thước đo góc

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. Hoạt động khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| HS1:1)Phát biểu định nghĩa hai  tam giác đồng dạng?  2) Cho hình vẽ .có đồng dạng với  không? Vì sao? Tính tỉ số đồng dạng? | **Đáp án:**  1) Định nghĩa: SGK/70 (5đ)  2)  vì  và    Tỉ số đồng dạng: k = 2 (5đ) |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**HOẠT ĐỘNG 1: Tình huống xuất phát:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - **Mục tiêu**: Kích thích HS tìm hiểu về trường hợp đồng dạng thứ nhất.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm.  - Phương tiện dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  - Sản phẩm: Dự đoán về trường hợp đồng dạng thứ nhất  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | |
| - Theo định nghĩa, để chứng tỏ hai tam giác đồng dạng, ta cần phải có những điều kiện gì?  GV: Vậy không cần đo góc, ta có thể nhận biết được hai tam giác đồng dạng với nhau không ?  Bài học hôm nay ta sẽ tìm hiểu. | Ba cặp góc bằng nhau, ba cặp cạnh tỉ lệ với nhau  Dự đoán câu trả lời. |

**HOẠT ĐỘNG 2: Định lý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - **Mục tiêu:** Học sinh nêu được định lý về trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm  - Phương tiện dạy học: SGK, thước thẳng  - Sản phẩm: Định lý về trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV treo  lên bảng, gọi 1 HS đọc đề bài, yêu cầu HS hoạt động nhóm  HS hoạt động nhóm, cử đại diện nhóm lên bảng trình bày.  GV nhận xét, sửa sai  GV: Qua , em có nhận xét gì về điều kiện để hai tam giác đồng dạng?  HS: hai tam giác có 3 cạnh tỉ lệ với nhau thì hai tam giác đồng dạng  GV: Nêu định lý SGK, gọi 1 HS đọc định lý  GV: Treo hình vẽ 33 SGK lên bảng, yêu cầu HS nêu GT, KL của định lý?  HS: Đứng tại chỗ trả lời  ? Ở, ta làm thế nào để chứng minh ?  HS: Chứng minh, = suy ra  GV: Vậy để áp dụng  chứng minh định lý, bước đầu tiên ta nên làm thế nào?  HS: Dựng ΔAΜΝ sao cho MN//BC, AM =A’B’  GV: Vẽ hình lên bảng cho HS quan sát  GV: Khi đó ΔAMN có quan hệ gì với ΔABC ? Suy ra được các tỉ số nào?  HS: ΔAΜΝ ΔΑΒC  GV: Để chứng minh   ta cần chứng minh thêm điều gì?  HS: ΔAΜΝ = ΔA’B’C’  GV: Để ΔAΜΝ = ΔA’B’C’, cần thêm điều gì?  HS: AN = A’C’ ; MN = B’C’  GV: Từ 2 dãy tỉ số bằng nhau  ,  làm sao để chứng minh AN = A’C’ ; MN = B’C’?  HS:  và  AN = A’C’ và MN = B’C’  GV: Nhắc lại các bước chứng minh định lý?  HS: - Bước 1: Dựng ΔAΜΝ sao cho  ΔAΜΝ ΔΑΒC  -Bước 2: Chứng minh ΔAΜΝ = ΔA’B’C’ | **1) Định lý:**  \*Định lý: SGK/73   |  |  | | --- | --- | | GT |  | | KL |  |   Chứng minh: SGK/73 |

**3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - **Mục tiêu:** Giúp HS biết cách vận dụng định lý để chứng minh hai tam giác đồng dạng.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm  - Phương tiện dạy học: SGK, thước thẳng, bảng phụ  - Sản phẩm: Chứng minh hai tam giác đồng dạng.  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Đưa nội dung  lên bảng, yêu cầu HS hoạt động nhóm, thảo luận trong 1 phút thực hiện  Nhóm 1: Xét ABC và DEF  Nhóm 2: Xét ABC và IHK  HS: Hoạt động theo nhóm, cử đại diện nhóm lên bảng trình bày  HS nhận xét, GV nhận xét  GV lưu ý HS chú ý cách ghi hai tam giác đồng dạng đúng thứ tự các đỉnh, các cạnh tương ứng.  GV: Dựa vào kết quả trên, DEF và IHK có đồng dạng không? Vì sao?  HS: Vì DEF ACB mà ABC không đồng dạng vớiIHK nên DEF không đồng dạng vớiIHK  **\* Làm bài 29 sgk**  - Hãy nêu cách tính chu vi của các tam giác  - Thực hiện bài toán  Cá nhân HS thực hiện  2 HS lên bảng giải  GV nhận xét, đánh giá | **2) Áp dụng:**    \*Xét ABC và DEF:    DEF  ACB  \*Xét ABC và IHK:    ABC không đồng dạng vớiIHK  \*Vì DEF ACB mà ABC không đồng dạng vớiIHK nên DEF không đồng dạng vớiIHK  **BT 29/74 SGK:**  a) ΔABC và ΔA’B’C’ có :    Vậy ΔABC  ΔA’B’C’.  b) Tính tỉ số chu vi của hai tam giác ABC và A’B’C    Vậy  = |

**4. Hoạt động vận dụng**

**Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào bài toán. Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo. Tự giác, tích cực.

- Học thuộc định lý về trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác

- BTVN: 30, 31 SGK/75

- Chuẩn bị bài:”Trường hợp đồng dạng thứ hai”.

**Tiết 45: §5. TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG THỨ HAI**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: HS biết và nắm chắc định lý về trường hợp thứ 2 để 2 đồng dạng (c.g.c)

- HS hiểu và củng cố 2 bước cơ bản thường dùng trong lý thuyết để chứng minh 2đồng dạng . Dựng AMN   ABC. Chứng minh ABC   A'B'C A'B'C'  ABC

**2. Kỹ năng**:

- HS thực hiện được vận dụng định lý vừa học về 2 đồng dạng để nhận biết 2 đồng dạng. Rèn luyện kỹ năng vận dụng các định lý đã học trong chứng minh hình học.

- HS thực hiện thành thạo viết đúng các tỷ số đồng dạng, các góc bằng nhau tương ứng.

**3.Thái độ:** Chú ý, tập trung trong học tập. Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước. Thước thẳng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. Hoạt động khởi động:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Sản phẩm** |
| - **Mục tiêu**: Kích thích HS tìm hiểu về trường hợp đồng dạng thứ hai.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân  - Phương tiện dạy học: Thước, bảng phụ, MTBT.  - Sản phẩm:CM hai tam giác đồng dạng theo trường hợp thứ nhất, Dự đoán trường hợp đồng dạng thứ hai  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Phát biểu trường hợp đồng dạng thứ nhất của hai tam giác.  - Cho hình vẽ .có đồng dạng với  không? Vì sao?    ? Để nhận biết hai tam giác đồng dạng, ít nhất cần phải xác định mấy tỉ số về cạnh của hai tam giác?  GV: Vậy nếu chỉ có hai tỉ số về cạnh của hai tam giác, ta có thể xác định hai tam giác đó đồng dạng hay không, có cần thêm yếu tố nào không ?  Chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học hôm nay. | Định lý: SGK/73  Xét vàDEF có:    FED (c-c-c)  Phải xác định 3 tỉ số  Dự đoán câu trả lời | |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**HOẠT ĐỘNG 2: Định lý**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Sản phẩm** |
| - **Mục tiêu**: Giới thiệu cho học sinh định lý về trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm  - Phương tiện dạy học: bảng phụ  - Sản phẩm: Định lý về trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác và cách chứng minh định lý.  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV treo bảng phụ ghi đề  lên bảng, gọi 1 HS đọc đề bài, yêu cầu HS vẽ hình vào vở.  GV: So sánh tỉ số và ?  HS: =  GV: Đo BC, EF và so sánh ?  HS:  GV: Dự đoán sự đồng dạng của và ?  HS:  GV: Qua , em có nhận xét gì điều kiện để hai tam giác đồng dạng?  HS: hai tam giác có 2 cạnh tỉ lệ với nhau và góc xen giữa bằng nhau thì hai tam giác đồng dạng  GV: Nêu định lý SGK, gọi 1 HS đọc định lý  GV: Vẽ và , yêu cầu HS nêu GT, KL của định lý?  1 HS lên bảng thực hiện, các HS còn lại làm bài vào vở  GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm chứng minh định lý  HS hoạt động nhóm, cử đại diện nhóm lên bảng trình bày  HS nhận xét, GV nhận xét, chốt kiến thức | **1) Định lý:**    ; ;  =>  Dự đoán  .  \*Định lý: SGK/75    GT ABC, A'B'C'  =(1); Â=Â'  KL A'B'C' ABC  Chứng minh: SGK/76 | | |

**3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Sản phẩm** |
| **Mục tiêu**: Giúp HS biết cách vận dụng định lý để chứng minh hai tam giác đồng dạng.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm  - Phương tiện dạy học: bảng phụ  - Sản phẩm: Chứng minh hai tam giác đồng dạng.  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Đưa nội dung  lên bảng, yêu cầu HS hoạt động nhóm, thảo luận trong 1 phút thực hiện  Nhóm 1: Xét ABC và DEF  Nhóm 2: Xét ABC và PQR  HS: Hoạt động theo nhóm, cử đại diện nhóm lên bảng trình bày  HS nhận xét, GV nhận xét  GV lưu ý HS chú ý cách ghi hai tam giác đồng dạng đúng thứ tự các đỉnh, các cạnh tương ứng.  GV: Dựa vào kết quả trên, DEF và PQR có đồng dạng không? Vì sao?  HS: Vì ΔABC  ΔDEF mà ABC không đồng dạng vớiPQR nên DEF không đồng dạng vớiPQR.  GV: Treo bảng phụ ghi đề bài  lên bảng, yêu cầu HS thực hiện  GV: Gọi 1 HS lên bảng vẽ hình, các HS còn lại vẽ hình vào vở  GV: Muốn chứng minh AED ABC, ta phải làm như thế nào?  HS: Tính tỉ số ,  GV: gọi 1 HS lên bảng thực hiện, các HS khác làm bài vào vở  HS nhận xét, GV nhận xét  **\* Làm bài tập 32 sgk**  GV vẽ hình, yêu cầu HS thảo luận theo cặp c/m  1 HS lên bảng c/m  GV nhận xét, đánh giá | **2) Áp dụng:**      \* Xét ΔABC và ΔDEF có:  và  Nên ΔABC  ΔDEF (c-g-c)  \*Xét ABC và PQR:  và  ABC không đồng dạng với PQR  \*Vì ΔABC  ΔDEF mà ABC không đồng dạng với PQR nên ΔABC không đồng dạng vớiPQR.    Xét  AED và  ABC có:      chung  Nên AED ABC (c-g-c)  **BT 32a/77 SGK:**  a) Chứng minhOCB OAD  Xét OCB vàOAD :  chung    Nên OCB OAD (c- g- c) | |

**4. Hoạt động vận dụng**

**Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào bài toán. Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo. Tự giác, tích cực.

- Học thuộc định lý về trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác

- BTVN: 32, 33/77 SGK

- Chuẩn bị bài: “Trường hợp đồng dạng thứ ba”.

**Tiết 46: §6. TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG THỨ BA**

**I- MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: HS biết và nắm chắc định lý về trường hợp thứ 3 để 2 đồng dạng (g. g )

- HS hiểu đồng thời củng cố 2 bước cơ bản thường dùng trong lý thuyết để chứng minh 2đồng dạng . Dựng AMN   ABC. Chứng minh ABC   A'B'C

A'B'C'ABC

**2. Kỹ năng**: - HS thực hiện được vận dụng định lý vừa học về 2 đồng dạng để nhận biết 2 đồng dạng, kỹ năng vận dụng các định lý đã học trong chứng minh hình học.

- HS thực hiện thành thạo viết đúng các tỷ số đồng dạng, các góc bằng nhau tương ứng.

**3.Thái độ:** Chú ý, tập trung trong học tập. Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, giao tiếp, hợp tác.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu

2. Học sinh: Thực hiện hướng dẫn tiết trước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. Hoạt động khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - **Mục tiêu**: Kích thích HS tìm hiểu về trường hợp đồng dạng thứ ba.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân  - Phương tiện dạy học:Thước, bảng phụ, MTBT.  - Sản phẩm:CM hai tam giác đồng dạng theo trường hợp thứ nhất, Dự đoán trường hợp đồng dạng thứ hai  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | |
| 1)Phát biểu trường hợp đồng dạng thứ hai của hai tam giác?  2) Cho hình vẽ .có đồng dạng với  không? Vì sao? | 1) Định lý: SGK/75 (4đ)  2) Xét vàDEF có:      EFD (c-g-c) (6đ) |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**HOẠT ĐỘNG 1: Tình huống xuất phát:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| **- Mục tiêu**: Kích thích HS tìm hiểu về trường hợp đồng dạng thứ ba  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân  - Phương tiện dạy học: SGK  - Sản phẩm: Dự đoán trường hợp đồng dạng thứ ba.  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | |
| GV: Để nhận biết hai tam giác đồng dạng, ít nhất cần phải xác định mấy tỉ số về cạnh của hai tam giác?  GV: Vậy nếu chỉ có yếu tố về góc của hai tam giác thì có thể xác định được hai tam giác đồng dạng hay không ?  Chúng ta sẽ tìm hiểu trong tiết học hôm nay. | Ít nhất cần phải xác định 2 tỉ số  Dự đoán câu trả lời |

**HOẠT ĐỘNG 2: Định lý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - **Mục tiêu**: Giới thiệu cho học sinh định lý về trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân  - Phương tiện dạy học: bảng phụ  - Sản phẩm: Định lý về trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác và cách chứng minh định lý  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV treo bảng phụ vẽ hình 40 lên bảng, gọi 1 HS đọc đề bài, yêu cầu HS vẽ hình vào vở.  GV: Theo cách chứng minh định lý ở trường hợp đồng dạng thứ hai, ta nên dựng thêm đường phụ nào?  HS: Trên tia AB, đặt đoạn thẳng AM = A’B’.Vẽ MN // BC, N  AC  GV: Theo cách dựng ta có hai tam giác nào đồng dạng với nhau? Vì sao?  HS: AMN ABC vì MN// BC  GV: Vậy để chứng minh A’B’C’ ABC, ta cần chứng minh điều gì?  HS: Cần chứng minh AMN = A’B’C’  GV: Vì sao AMN = A’B’C’?  HS:  ( ), AM = A’B’  AMN = A’B’C’(g-c-g)  GV: Gọi 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác làm bài vào vở  HS nhận xét, GV nhận xét  GV: Qua bài toán này em rút ra kết luận gì về điều kiện để hai tam giác đồng dạng?  HS: Đứng tại chỗ trả lời  GV: Giới thiệu định lý SGK  GV: gọi 1 HS đọc định lý | **1) Định lý:**  \*Bài toán:    Giải:  - Trên tia AB, đặt đoạn thẳng AM = A’B’.  Vẽ đường thẳng MN // BC, N  AC. Ta có  AMN ABC (1).  Xét AMN và A’B’C’ có:  ( )  AM = A’B’    AMN = A’B’C’(g-c-g) (2)  Từ (1) và (2) suy ra A’B’C’  ABC.  \* Định lý: SGK/78 |

**3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Mục tiêu: Giúp HS biết cách vận dụng định lý để chứng minh hai tam giác đồng dạng.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, cặp đôi.  - Phương tiện dạy học: bảng phụ  - Sản phẩm: Học sinh biết chứng minh hai tam giác đồng dạng.  NLHT: NL tư duy, phân tích, tổng hợp | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Treo bảng phụ vẽ hình 41 lên bảng, yêu cầu HS hoạt động cặp đôi thực hiện  GV: Gọi 2 HS đại diện các cặp đôi lên bảng trình bày, 1 HS trình bày ABC PMN, 1 HS trình bày A’B’C’D’E’F  HS nhận xét, GV nhận xét, chốt kiến thức  GV: Treo bảng phụ vẽ hình 42, yêu cầu HS thực hiện  - Tìm cặp tam giác đồng dạng trên hình?  HS: ΔABD  ΔACB (g-g)  ? Từ đó, em tính AD, DC như thế nào?  HS: ΔABC ΔADB  Từ đó suy ra AD, DC  GV: Gọi 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác làm bài vào vở  ? BD là tia phân giác của góc D thì ta có tỉ lệ thức nào? Tính BC, BD ra sao?  HS:  suy ra BC  ΔBDC cân tại D nên BD = CD  1 HS lên bảng trình bày, các HS khác làm bài vào vở  GV nhận xét, chốt kiến thức  **\* Làm bài 36 SGK**  - Gọi HS đọc bài toán  - GV hướng dẫn vẽ hình  - Thảo luận theo cặp thực hiện  1 HS lên bảng trình bày  GV nhận xét, đánh giá | **2. Áp dụng:**        +ABC cân ở A có Â = 400  Xét ABC và PMN có:  .Vậy ABCPMN (g-g)  + A'B'C' có    Xét A’B’C’và D’E’F’ có:    Vậy A’B’C’D’E’F’(g-g)    a)Hình vẽ có 3 tam giác  ΔABD  ΔACB (g-g)  b) ΔABC  ΔADB    (cm)  y = 4,5 - 2 = 2,5(cm)  c, BD là phân giác góc B  (cm)  ΔBDC cân tại DBD = CD =2,5  **BT 36/79 SGK:**  Xét ABD và BDC có:  (gt)  (so le trong)  Do đó, ABD BDC (g-g)  . |

**4. Hoạt động vận dụng**

**Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào bài toán. Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo. Tự giác, tích cực.

- Học thuộc định lý về trường hợp đồng dạng thứ ba của hai tam giác.

- Ôn lại trường hợp đồng dạng thứ nhất và thứ hai của hai tam giác.

- BTVN: 37, 38/79 SGK.

- Chuẩn bị tiết sau luyện tập.

**Tiết 47: LUYỆN TẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức**:

- HS hiểu và nắm chắc các định lý về trường hợp đồng dạng của 2.

- HS biết đồng thời củng cố 2 bước cơ bản thường dùng trong lý thuyết để chứng minh 2 đồng dạng.

**2. Kỹ năng**:

- HS thực hiện được vận dụng định lý vừa học về 2 đồng dạng để nhận biết 2 đồng dạng.

- Giải quyết được các bài tập từ đơn giản đến hơi khó- Kỹ năng phân tích và chứng minh tổng hợp.

- HS thực hiện thành thạo viết đúng các tỷ số đồng dạng, các góc bằng nhau tương ứng.

**3. Thái độ**:

- Hs có thói quen kiên trì trong suy luận, cẩn thận, chính xác trong hình vẽ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, sách giáo khoa, compa, thước thẳng
2. Học sinh: Sách giáo khoa, vở, compa, thước thẳng

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. Hoạt động khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| HS1: Nêu các trường hợp đồng dạng của hai tam giác?  Làm BT 36/79 SGK | Nêu đúng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác: 4đ  BT 36/79 SGK:  Xét ABD và BDC có:    (so le  trong)  ABD BDC(g-g) (3đ)  =  x2= 12,5.28,5 = 356,25  x= 18,9 cm. (3đ) |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**3. Hoạt động luyện tập**

- Mục tiêu: Giúp HS biết cách chứng minh hai tam giác đồng dạng, chứng minh hệ thức, tính độ dài các cạnh.

- Sản phẩm: Chứng minh hai tam giác đồng dạng, chứng minh hệ thức, tính độ dài các cạnh.

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  \* Làm BT 38 SGK  GV: Vẽ hình 45 SGK lên bảng  ? Hai tam giác nào đồng dạng với nhau? Vì sao?  HS: ABC  EDC( vì ,  )  ? Tính x, y như thế nào?  HS: ABC  EDC  = =   x, y  GV: Gọi 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác làm bài vào vở  GV nhận xét , đánh giá.  GV: Yêu cầu HS hoạt động cặp đôi làm BT40 SGK bằng cách trả lời các câu hỏi:  + Dựa vào hình vẽ, nhận xét AED và ABC có gì chung?  + Dựa vào hình vẽ, cần xét thêm điều kiện nào để xác định hai tam giác đồng dạng hay không?  HS hoạt động cặp đôi, cử đại diện lên bảng trình bày  GV nhận xét, đánh giá | **BT 38/79 SGK**:  Xét ABC và EDC:  (gt)  (đối đỉnh)  ABC  EDC (g g)  = =  ==  x= = 1,75 ; y == 4  **BT 40/80 SGK** :  A  15 8 6 20  E  D    B C  Ta có    Xét AED và ABC có:  Â chung và (cmt)  Vậy AED ABC(c-g-c) |

**4. Hoạt động vận dụng**

**Mục tiêu:** Củng cố và vận dụng các kiến thức đã học trong bài.

**Về nhà:**

- Học bài theo vở ghi và SGK

- Làm bài 41,42, 43,44,45/80 sgk.

- Xem trước bài ‘’Các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông’’.

**TIẾT 48:**

**CÁC TRƯỜNG HỢP ĐỒNG DẠNG CỦA TAM GIÁC VUÔNG**

Thời gian thực hiện: 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

***1****.****Kiến thức*:**

- HS biết nắm chắc định lý về trường hợp thứ 1, 2,3 về 2 đồng dạng. Suy ra các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông.

- HS hiểu đồng thời củng cố 2 bước cơ bản thường dùng trong lý thuyết để chứng minh trường hợp đặc biệt của tam giác vuông- Cạnh huyền - góc nhọn, cạnh huyền-cạnh góc vuông.

***2.Kỹ năng*:**

**-**  HS thực hiên được vận dụng định lý vừa học về 2 đồng dạng để nhận biết 2 vuông đồng dạng. Viết đúng các tỷ số đồng dạng, các góc bằng nhau .

- HS thực hiện thành thạo suy ra tỷ số đường cao tương ứng, tỷ số diện tích của hai tam giác đồng dạng.

***3.Thái độ*:**

- Hs có thói quen kiên trì trong suy luận, cẩn thận, chính xác trong hình vẽ.

-Rèn cho hs tính cách tư duy nhanh, tìm tòi, sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- GV: Tranh vẽ hình 41, 42, phiếu học tập.

- HS : Thước, eke, com pa, thước đo góc.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. Hoạt động khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| **- Mục tiêu**: Kích thích HS tìm hiểu về các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông  **- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:** thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  **- Hình thức tổ chức hoạt động:** Hoạt động cá nhân  **- Phương tiện dạy học:** SGK  **- Sản phẩm:** Suy đoán các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Dựa vào phần kiểm tra bài cũ, để nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng, ít nhất cần phải xác định bao nhiêu góc nhọn bằng nhau?  GV: Đối với tam giác vuông, có mấy trường hợp để nhận biết các tam giác đồng dạng?  Chúng ta cùng tìm hiểu trong tiết học hôm nay. | Cần xác định 1 cặp góc nhọn bằng nhau  Dự đoán các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**- Mục tiêu:** Giới thiệu cho HS biết áp dụng các trường hợp đồng dạng của tam giác vào tam giác vuông. Giúp HS biết dấu hiệu đặc biệt nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng.

**- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:** thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

**- Hình thức tổ chức hoạt động:** Hoạt động cá nhân, cặp đôi.

**- Phương tiện dạy học:** SGK, thước, bảng phụ

**- Sản phẩm:** Áp dụng các trường hợp đồng dạng của tam giác vào tam giác vuông.

Dấu hiệu đặc biệt nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| **- Mục tiêu:** Giới thiệu cho HS biết áp dụng các trường hợp đồng dạng của tam giác vào tam giác vuông. Giúp HS biết dấu hiệu đặc biệt nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng.  **- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:** thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  **- Hình thức tổ chức hoạt động:** Hoạt động cá nhân, cặp đôi.  **- Phương tiện dạy học:** SGK, thước, bảng phụ  **- Sản phẩm:** Áp dụng các trường hợp đồng dạng của tam giác vào tam giác vuông.  Dấu hiệu đặc biệt nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng.  Mối liên hệ giữa tỉ số đường cao, tỉ số diện tích với tỉ số đồng dạng của hai tam giác. | |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV:Theo trường hợp đồng dạng thứ 3 của hai tam giác thì hai tam giác vuông đồng dạng khi nào?  HS: có 1 cặp góc nhọn bằng nhau  GV:Theo trường hợp đồng dạng thứ 2 của hai tam giác thì hai tam giác vuông đồng dạng khi nào?  HS: Có hai cặp cạnh góc vuông tương ứng tỉ lệ với nhau  GV: Gọi HS đọc kết luận SGK | **1) Áp dụng các trường hợp đồng dạng của tam giác vào tam giác vuông:**  Hai tam giác vuông đồng dạng với nhau khi:  a) Tam giác vuông này có một góc nhọn bằng góc nhọn của tam giác vuông kia (g.g)  Hoặc:  b) Tam giác vuông này có hai cạnh góc vuông tỉ lệ với hai cạnh góc vuông của tam giác vuông kia (c.g.c) |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV treo bảng phụ vẽ hình 47 SGK yêu cầu HS hoạt động cặp đôi làm  SGK  GV:  và  có đồng dạng với nhau không? Vì sao?  HS:   vì  và  GV: Gọi 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác làm bài vào vở  GV:Trong h. 47c, hãy tính A’C’?  HS: A’C’2 = B’C’2 – A’B’2 A’C’  GV: Trong H.47d, hãy tính AC?  HS: AC2 = BC2 – AB2 AC  GV: Mối quan hệ của A’B’C’ và ABC ? Vì sao?  HS: A’B’C’  ABC vì ,  GV: Gọi 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác làm bài vào vở  GV: Dựa vào , hãy nhận xét về điều kiện để hai tam giác vuông đồng dạng?  HS: Phát biểu nội dung định lý 1 SGK  GV: Khẳng định lại định lý, yêu cầu HS đọc lại định lý  GV: vẽ hình 48, yêu cầu HS viết GT, KL của định lý  1HS lên bảng thực hiện, các HS khác làm vào vở  GV: Hướng dẫn HS chứng minh định lý  HS: Theo dõi  GV: Trở lại , áp dụng định lý có thể chứng minh A’B’C’  ABC như thế nào?  HS: A’B’C’ và ABC có:  ,    nên A’B’C’  ABC (ch-cgv) | **2) Dấu hiệu đặc biệt nhận biết hai tam giác vuông đồng dạng:**      + Xét  và  có :      (c-g-c)    + Áp dụng định lý Pytago đối với A’B’C’ vuông tại A’ và ABC vuông tại A, ta có:  A’C’2 = B’C’2 – A’B’2 = 132 – 52 = 144  A’C’= 12  AC2 = BC2 – AB2 = 262 – 102 = 576 AC= 24  Và  Vậy: A’B’C’  ABC (c-g-c)  **\*** Định lý 1 : SGK/82     |  |  | | --- | --- | | GT | và ,  (1) | | KL | A’B’C’  ABC  300 |   Chứng minh: SGK /82 |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  GV: Nêu định lý 2  HS: Đọc lại định lý  GV: Hướng dẫn HS chứng minh định lý  ΔA'B'H' và ΔABH có quan hệ gì? Giải thích?  HS: ΔA'B'H'  ΔABH vì có  (do  ),  GV: Từ đó suy ra tỉ lệ ?  HS: k.  GV: Giới thiệu định lý 3 SGK  HS: Đọc lại định lý  GV: Yêu cầu HS về nhà tự chứng minh định lý | **3) Tỉ số đường cao, tỉ số diện tích của hai tam giác đồng dạng:**  \*Định lý 2: SGK/83    theo tỉ số k k.  \*Chứng minh: SGK/83  \*Định lý 3: SGK/83  theo tỉ số k |

**3. Hoạt động luyện tập**

- Mục tiêu: Củng cố các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, cặp đôi.

- Phương tiện dạy học: SGK, thước

- Sản phẩm: Tìm được hai tam giác đồng dạng trên hình vẽ

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  Làm bài 46 sgk  GV vẽ hình 50 lên bảng  Yêu cầu HS hoạt động theo cặp tìm các tam giác đồng dạng  1 HS lên bảng làm, HS dưới lớp làm vào vở  GV nhận xét, đánh giá | BT 46/84 SGK:  Có 4 tam giác vuông là ΔABE, ΔADC, ΔFDE, ΔFBC.  ΔFDE  ΔFBC ( đối đỉnh)  ΔFDE  ΔABE (Góc E chung)  ΔFDE  ΔADC (góc C chung)  ΔFBC  ΔABE (cùng đồng dạng với ΔFDE)  ΔABE  ΔADC (cùng đồng dạng với ΔFDE)  ΔFBC  ΔADC (cùng đồng dạng với ΔFDE) |

**4. Hoạt động vận dụng**

**Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học vào bài toán. Nhằm mục đích phát triển năng lực tự học, sáng tạo. Tự giác, tích cực.

**Về nhà:**

- Học thuộc các dấu hiệu đồng dạng của tam giác vuông, nhất là dấu hiệu đặc biệt (dấu hiệu về cạnh huyền và cạnh góc vuông)

- BTVN: 47, 48, 49/84 SGK.

- Tiết sau Luyện tập

**TIẾT 49: LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**:

- HS hiểu và nắm chắc các định lý về trường hợp đồng dạng của 2.

- HS biết đồng thời củng cố các định lí về ba tr­ường hợp đồng dạng của hai tam giác

**2. Kỹ năng**:

- HS thực hiện được vận dụng các định lí đó để chứng minh các tam giác đồng dạng, đẳng thức trong tam giác.Giải quyết được các bài tập từ đơn giản đến hơi khó- Kỹ năng phân tích và chứng minh tổng hợp.

- HS thực hiện thành thạo viết đúng các tỷ số đồng dạng, các góc bằng nhau tương ứng.

**3. Thái độ**:

- Hs có thói quen kiên trì trong suy luận, cẩn thận, chính xác trong hình vẽ.

- Rèn cho hs tính cách tư duy nhanh, tìm tòi sáng tạo.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU** - GV:

1. Giáo viên: Th­ước kẻ, bảng phụ, com pa, ê ke.

2. Học sinh: Đồ dùng, thứơc com pa, thước đo góc, các định lý.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. Hoạt động khởi động:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Nêu các trường hợp đồng dạng của tam giác vuông ?  - Tỉ số hai đường cao, tỉ số diện tích của hai tam giác đồng dạng được tính như thế nào ? |  |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

**3. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| ?Đọc đề bài?  GV: HD HS vẽ hình trên bảng.    GV: Cho HS thảo luận theo hình thức khăn phủ bàn tìm các dấu hiệu để nhận biết hai tam giác cân đồng dạng.  ?Lên bảng làm?  GV: Kiểm tra kết quả của một số nhóm, hướng dẫn lại và khẳng định các dấu hiệu.  GV: Chốt lại các dấu hiệu chứng minh hai tam giác cân đồng dạng.  ?Đọc đề bài?  ?Vẽ hình, ghi GT, KL?  GV: Quan sát , hướng dẫn HS dưới lớp vẽ hình ghi GT, KL.  ?Chỉ ra các cặp tam giác đồng dạng và giải thích vì sao?  GV: Chốt lại và khắc sâu định lý và t/c của hai tam giác đồng dạng.  ?Biết DE=10cm, tính EF=?; BF=?  ?EF và BF là hai cạnh của tam giác nào?  ?Bài toán còn cho biết gì nữa?  GV: Khẳng định lại.  ?Dựa vào GT và khái niệm hai tam giác đồng dạng em lên bảng làm?  GV: Quan sát hướng dẫn HS làm vào vở.  GV: Chốt lại phương pháp làm và kiến thức sử dụng.  ?Đọc đề bài?  ?Vẽ hình, ghi GT, KL?  GV: Quan sát. hướng dẫn HS vẽ hình  ?Chứng minh AMB  ANC  ? Tìm  ? Chứng minh:  ? Chứng minh  Sau đó suy ra kết luận câu b  GV: Sửa chữa sai sót và hướng dẫn lại cách trình bày  GV: Chốt lại vấn đề. | **Bài 41/SGK-80**  HS: Đọc đề bài.  HS: Quan sát GV vẽ hình và vẽ hình vào vở theo hướng dẫn của GV  HS: Hoạt động nhóm làm bài theo yêu cầu của GV  HS: Đại diện một nhóm trả lời  Hai tam giác cân đồng dạng với nhau khi  - Có một cặp góc bằng nhau.  - Cạnh bên và cạnh đáy của tam giác cân này tỉ lệ với cạnh bên và cạnh đáy của tam giác cân kia.  **Bài 43/SGK-80**  HS: Đọc đề bài  HS: Một em lên bảng vẽ hình, HS còn lại làm vào vở  HS: Trả lời:    a) Cặp tam giác đồng dạng.  1) EBF DCF (EB//DC)  2) EBF  EAD (AD//FB)  3) EAD DCF ( T/c 3)    HS: Suy nghĩ làm bài  HS: EF và BF là hai cạnh của EBF  HS: AE+EB=AB=12cm; AD=BC=7cm, AE=8cm  HS: Lên bảng làm  b) theo giả thiết h*ình bình hành ABCD*  *AB=DC=12 ; EB=AB-AE=4 cm*  EBF EAD  Ta cũng có:    **Bài 44/ SGK-80**  HS: Đọc đề bài  HS: Lên bảng làm     |  |  | | --- | --- | | GT | *ABC,; AB= 24 cm; AC=28 cm* | | KL | a)  b) |   a) Xét MAB và NAC có:    AMB ANC (g.g)    b) MBD NCD(g.g)  Vì: (góc đđ);    Ta có:  . Tuy nhiên:  Do đó: |

**4. Hoạt động vận dụng**

**Mục tiêu:** Hệ thống lại các dạng bài tập đã chữa, chốt lại phương pháp làm và kiến thức sử dụng

**Về nhà:**

- Xem lại các bài tập đã chữa về phương pháp làm

- BTVN: 42, 43/SBT-74

HD: Bài 43/SBT: Chứng minh các cặp tam giác đồng dạng và suy ra tỉ số hai đường trung tuyến tương ứng và hai đường phân giác tương ứng của hai tam giác đồng dạng bằng tỉ số đồng dạng

- Xem trước bài : “ ***Trường hợp đồng dạng của tam giác vuông.*** ”

**TIẾT 50: ỨNG DỤNG THỰC TẾ CỦA TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG.**

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

Biết được cách đo khoảng cách giữa hai điểm mà cách đo trực tiếp khó thực hiện

**2. Kĩ năng**

Biết cách sử dụng:- Thước ngắm để xác định điểm nằm trên đường thẳng

- Giác kế để đo góc trên mặt đất

- Thước đo độ dài đoạn thẳng trên mặt đất

**3. Thái độ:**

+ Nhiêm túc, tập trung, nhanh nhẹn, cẩn thận, chăm chỉ .

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Kế hoạch bài học, TBDH.

2. Học sinh: SHD, nghiên cứu bài trước khi lên lớp, đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**:

**1. Hoạt động khởi động:**

- Mục tiêu: Kích thích HS suy nghĩ đến ứng dụng của tam giác đồng dạng trong thực tế.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| - Trong thực tế, muốn đo chiều cao của một cái cây, một tòa nhà, hay một ngọn tháp, hay khoảng cách giữa hai điểm, trong đó có một điểm không thể tới được, ta có thể chỉ dùng thước để đo hay không?  - Đối với các trường hợp trên, ta phải sử dụng các trường hợp đồng dạng của hai tam giác. | Không thể chỉ dùng thước dây để đo. |

**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| **HOẠT ĐỘNG 1: Đo gián tiếp chiều cao của vật:**  - Mục tiêu: Giới thiệu cho học sinh cách đo gián tiếp chiều cao của vật.  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm.  - Phương tiện dạy học: bảng phụ, SGK, thước  - Sản phẩm: Cách đo gián tiếp chiều cao của vật. | |
| GV: treo bảng phụ vẽ hình 54 SGK lên bảng.  -: Tìm cặp tam giác vuông đồng dạng trên hình?  HS: ΔBAC  ΔBA'C'  GV: Trong hình này ta cần tính chiều cao A'C' của một cái cây, vậy ta cần xác định độ dài những đoạn nào ?  HS: Để tính được A'C', ta cần biết độ dài các đoạn thẳng AB, AC, A'B.  GV: giới thiệu cách đo AB, AC, A'B.  GV hướng dẫn HS cách ngắm sao cho hướng thước đi qua đỉnh C' của cây.  Sau đó đổi vị trí ngắm để xác định giao điểm B của đường thẳng CC' với AA'  GV: Nêu cách tính A’C’?  HS: ΔΑ’ΒC’  ΔΑΒC    GV: Giả sử ta đo được: BA = 1,5 m  BA' = 7,8 m, cọc AC = 1,2 m  Hãy tính A'C' theo nhóm?  HS hoạt động nhóm, đại diện lên bảng trình bày  GV nhận xét, chốt kiến thức. | **1) Đo gián tiếp chiều cao của vật:**  Description: IMG_3649  Gọi chiều cao cần đo là A’C’.  a. Tiến hành đo đạc :  - Đặt cọc AC thẳng đứng, trên đó có gắn thước ngắm quay được quanh một cái chốt của cọc.  - Điều khiển thước ngắm sao cho hướng thước đi qua đỉnh C’ của cây (hoặc tháp), sau đó xác định giao điểm B của đường thẳng CC’ với AA’.  - Đo khoảng cách BA và BA’.  b. Tính chiều cao của cây (hoặc tháp) :  Ta có ΔΑ’ΒC’  ΔΑΒC    \* Áp dụng bằng số :  Giả sử AC = 1,5m ; AB = 1,25m ; A’B = 4,2m. Ta có :  =    Vậy chiều cao cần đo là 5,04(m) |
| **HOẠT ĐỘNG 2: Đo gián tiếp khoảng cách giữa hai điểm**  - Mục tiêu: Giúp HS biết cách đo khoảng cách giữa hai điểm trong đó có một địa điểm không tới được .  - Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.  - Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, nhóm.  - Phương tiện dạy học: SGK, thước  - Sản phẩm: Cách đo gián tiếp chiều cao của một vật và khoảng cách giữa hai điểm trong đó có một địa điểm không tới được . | |
| GV vẽ hình 55 SGK lên bảng và nêu bài toán.  GV yêu cầu HS hoạt động nhóm, nghiên cứu SGK để tìm ra cách giải bài toán.  HS: Hoạt động nhóm  Sau thời gian khoảng 5 phút, GV yêu cầu đại diện một nhóm lên trình bày cách làm.  GV: Trên thực tế, ta đo độ dài BC bằng dụng cụ gì ? Đo độ lớn các góc B và góc C bằng dụng cụ gì ?  HS: Đo độ dài BC bằng thước dây  Đo độ lớn các góc B và góc C bằng giác kế  GV: Nhận xét quan hệ của ΔΑ’Β’C’ và ΔΑΒC ?  HS: ΔΑ’Β’C’  ΔΑΒC  GV: Giả sử BC = a = 50 m, B'C' = a' = 5 cm, A'B' = 4,2 cm.Hãy tính AB ?  HS: Lên bảng trình bày  GV đưa hình 56 SGK lên bảng, giới thiệu với HS hai loại giác kế (giác kế ngang và giác kế đứng), nhắc lại cách dùng giác kế ngang để đo góc ABC trên mặt đất. | **2) Đo khoảng cách giữa hai điểm trong đó có một điểm không thể tới được:**  Giả sử phải đo khoảng cách AB trong đó địa điểm A có ao hồ bao bọc không thể tới được.    a. Tiến hành đo đạc:  - Chọn một khoảng đất  bằng phẳng rồi vạch một  đoạn BC và đo độ dài của nó  (giả sử BC = a).  - Dùng thước đo góc (giác kế) đo các góc .  b. Tính khoảng cách AB:  - Vẽ trên giấy ΔA’B’C’với B’C’ = a’, . Khi đó : ΔΑ’Β’C’  ΔΑΒC  ⇒ ⇒ AB =  \* Áp dụng bằng số :  Giả sử a = 100m, a’ = 4cm. Ta có    Đo được A’B’ = 4,3cm.  (cm)  \* Ghi chú: SGK/86, 87 |

**3. Hoạt động luyện tập**

**Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức đã học để làm bài.

Góp phần phát triển năng lực, phẩm chất: tự chủ trách nhiệm, nghiêm túc tự học, tự giải quyết vấn đề, tính toán.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Sản phẩm** |
| \*) C1/99.HĐ cá nhân  +) GV y/c Hs vẽ hình và làm bài  +) GV đánh gía HS về phẩm chất cẩn thận, chính xác, năng lực thẩm mỹ, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo. | DE = 2 m; DB = 15 m  FD = 0,8 m; FG = 1,6 m  BC = ? |
| \*) C2/99. HĐ cá nhân  +) GV y/c Hs vẽ hình 51/99 và làm bài  +) GV đánh gía HS về phẩm chất cẩn thận, chính xác, năng lực thẩm mỹ, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo. | Đo: DC = n; DF = a; AD = m  có AB // DF (gt)  Do đó: (ĐL tam giác đồng dạng)  Suy ra:(Các cạnh tương ứng) |
| C3/100. HĐ cá nhân  +)GV y/c cá nhân hs đọc bài  +)Cá nhân báo cáo  +)Nhận xét, bổ sung | ĐL về tam giác đồng dạng  AC = BC = 10 mm |

**4. Hoạt động vận dụng**

**Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức, tính chất tam giác đồng dạng để ưd trong thực tế.

Góp phần phát triển năng lực, phẩm chất: tự chủ trách nhiệm, nghiêm túc, chính xác, tự học, tự giải quyết vấn đề, sáng tạo, hợp tác nhóm.

**Về nhà:**

- Học thuộc các bước đo khoảng cách giữa hai địa điểm.

**Tiết 51:**

**THỰC HÀNH :**

**ĐO GIÁN TIẾP CHIỀU CAO CỦA MỘT VẬT**

**I. MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

**-**  Giúp HS biết đo chiều cao của cây, một toà nhà...

- Biết thực hiện các thao tác cần thiết để đo đạc tính toán tiến đến giải quyết yêu cầu đặt ra của thực tế, kỹ năng đo đạc, tính toán, khả năng làm việc theo tổ nhóm.

**2. Về năng lực:**

- Giúp học sinh phát huy năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

**3. Về phẩm chất.***Tự lực, chăm chỉ, vượt khó.*

**II.THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1.Giáo viên:**

+ Địa điểm thực hành cho các tổ HS.

+ Các thước ngắm và giác kế để các tổ thực hành (liên hệ với phòng đồ dùng dạy học).

+ Huấn luyện trước một nhóm cốt cán thực hành (mỗi tổ từ 1 đến 2 HS).

+ Mẫu báo cáo thực hành của các tổ HS.

**2. Học sinh:** Mỗi tổ HS là một nhóm thực hành, cùng với GV chuẩn bị đủ dụng cụ thực hành của tổ gồm:

+ 1 thước ngắm, 1 giác kế ngang.

+ 1 sợi dây dài khoảng 10 m.

+ 1 thước đo độ dài (loại 3 m hoặc 5 m).

+ 2 cọc ngắn, mỗi cọc dài 0,3 m.

+ Giấy, bút, thước kẻ, thước đo độ.

\* Các em cốt cán của tổ tham gia huấn luyện trước (do GV hướng dẫn).

**3. Bảng tham chiếu các mức yêu cầu cần đạt của câu hỏi, bài tập, kiểm tra, đánh giá:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết**  **(M1)** | **Thông hiểu**  **(M2)** | **Vận dụng**  **(M3)** | **Vận dụng cao**  **(M4)** |
| Thực hành: Đo gián tiếp chiều cao của vật | Biết được ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng | Hiểu cách đo gián tiếp chiều cao của một vật | Biết đo gián tiếp chiều cao của một vật |  |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG : Chuẩn bị thực hành**

- Mục tiêu: Giúp HS biết cách chuẩn bị các dụng cụ để thực hành.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề, trực quan

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động nhóm

- Phương tiện dạy học: dụng cụ thực hành

- Sản phẩm: Nắm bắt ý thức làm việc của học sinh

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| GV yêu cầu tổ trưởng báo cáo việc chuẩn bị thực hành của tổ về dụng cụ, phân công nhiệm vụ.  GV kiểm tra cụ thể, giao cho các tổ mẫu báo cáo thực hành | Các tổ trưởng báo cáo  Chuẩn bị dụng cụ đo gián tiếp chiều cao của một vật |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| BÁO CÁO THỰC HÀNH tổ . . . lớp . . .  Đo gián tiếp chiều cao của vật (A’C’)( Dựa vào tiết 50)  Hình vẽ:  a/ Kết quả đo: AB =  BA’ =  AC =  b/ Tính A’C’.  ĐIỂM THỰC HÀNH CỦA TỔ   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | TÊN HS | Điểm chuẩn bị dụng cụ (2đ) | Ý thức kỷ luật (3đ) | Kỉ năng thực hành (5đ) | Tổng số điểm | |  |  |  |  |  |  |   *Nhận xét chung: ( tổ tự đánh giá)*  *Tổ trưởng kí tên* |

**2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**HOẠT ĐỘNG 1 : Học sinh thực hành**

- Mục tiêu: Giúp HS biết cách đo gián tiếp chiều cao của một vật.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động nhóm

- Phương tiện dạy học: dụng cụ thực hành

- Sản phẩm: Kết quả đo gián tiếp chiều cao của một vật.

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM.** |
| GV đưa HS đến địa điểm thực hành, phân công vị trí thực hành từng tổ.  HS thực hành theo tổ  GV kiểm tra kĩ năng thực hành của các tổ, nhắc nhở, hướng dẫn thêm HS.  - Các tổ thực hành hai nhóm.  - Mỗi tổ cử một thư kí ghi lại kết quả đo đạc và tình hình thực hành của tổ.  - Sau khi thực hành xong, các tổ trả giác kế, thước ngắm cho phòng đồ dùng dạy học.  - Thu xếp dụng cụ, vào lớp để hoàn thành báo cáo. | Các tổ thực hành đo gián tiếp chiều cao của một cái cây trong trường. |

**HOẠT ĐỘNG 2: Hoàn thành báo cáo, nhận xét, đánh giá**

- Mục tiêu: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của HS.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

- Phương tiện dạy học: dụng cụ thực hành

- Sản phẩm: Báo cáo thực hành của tổ, rút ra những hạn chế cần khắc phục trong quá trình thực hành.

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHÂM** |
| *GV giao nhiệm vụ* cho các tổ hoàn thành báo cáo  - Các tổ làm báo cáo thực hành theo nội dung GV yêu cầu.  - Về phần tính toán, kết quả thực hành cần được các thành viên trong tổ kỉêm tra vì đó là kết quả chung của tập thể, căn cứ vào đó GV sẽ cho điểm thực hành của tổ.  - Các tổ bình điểm cho từng cá nhân và tự đánh giá theo mẩu báo cáo.  - Sau khi hoàn thành các tổ nộp báo cáo cho GV.  *Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ HS thực hiện nhiệm vụ*  *Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vu của HS*  *GV chốt lại kiến thức* | Các tổ báo cáo kết quả thực hành đo gián tiếp chiều cao của một vật. |

**3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.**

***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.

***Phương pháp***: Luyện tập, ghi chép.

- Học thuộc các bước đo khoảng cách giữa hai địa điểm.

- Mỗi tổ mang 1 dụng cụ đo : Giác kế, thước dây, thước đo độ, giấy bút để chuẩn bị tiết sau thực hành đo khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một địa điểm không thể tới được.

**\* CÂU HỎI/ BÀI TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HS:**

Câu 1: Nêu các bước đo gián tiếp chiều cao của vật (M1)

Câu 2: Kết quả đo gián tiếp và đo trực tiếp giống hay khác nhau ? (M2)

Câu 3: Thực hành đo gián tiếp chiều cao của cây (M3)

**Tiết 52 :**

**THỰC HÀNH :**

**ĐO KHOẢNG CÁCH GIỮA HAI ĐỊA ĐIỂM,**

**TRONG ĐÓ CÓ MỘT ĐỊA ĐIỂM KHÔNG THỂ TỚI ĐƯỢC**

**I/ MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**  Giúp HS biết đo khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một địa điểm không thể tới được.

**2. Năng lực:** Biết thực hiện các thao tác cần thiết để đo đạc tính toán tiến đến giải quyết yêu cầu đặt ra của thực tế, kỹ năng đo đạc, tính toán, khả năng làm việc theo tổ nhóm.

**3. Phẩm chất:** Tự lực, chăm chỉ,vượt khó..

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1.Giáo viên:**

+ Địa điểm thực hành cho các tổ HS.

+ Các thước ngắm và giác kế để các tổ thực hành (liên hệ với phòng đồ dùng dạy học).

+ Huấn luyện trước một nhóm cốt cán thực hành (mỗi tổ từ 1 đến 2 HS).

+ Mẫu báo cáo thực hành của các tổ HS

**2. Học sinh:**

Mỗi tổ HS là một nhóm thực hành, cùng với GV chuẩn bị đủ dụng cụ thực hành của tổ gồm:

+ 1 thước ngắm, 1 giác kế ngang.

+ 1 sợi dây dài khoảng 10 m.

+ 1 thước đo độ dài (loại 3 m hoặc 5 m).

+ 2 cọc ngắn, mỗi cọc dài 0,3 m.

+ Giấy, bút, thước kẻ, thước đo độ.

\* Các em cốt cán của tổ tham gia huấn luyện trước (do GV hướng dẫn).

**3. Bảng tham chiếu các mức yêu cầu cần đạt của câu hỏi, bài tập, kiểm tra, đánh giá**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết**  **(M1)** | **Thông hiểu**  **(M2)** | **Vận dụng**  **(M3)** | **Vận dụng cao**  **(M4)** |
| Thực hành: Đo khoảng cách giữa hai địa điểm | Biết được ứng dụng thực tế của tam giác đồng dạng | Hiểu cách đo khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một địa điểm không thể tới được. | Biết đo khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một địa điểm không thể tới được. |  |

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP.:**

**1.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:**

**HOẠT ĐỘNG 1: Chuẩn bị thực hành**

- Mục tiêu: Giúp HS biết cách chuẩn bị các dụng cụ để thực hành.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động nhóm

- Phương tiện dạy học: dụng cụ thực hành.

- Sản phẩm: Nắm bắt ý thức làm việc của học sinh

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| GV yêu cầu tổ trưởng báo cáo việc chuẩn bị thực hành của tổ về dụng cụ, phân công nhiệm vụ.  GV kiểm tra cụ thể, giao cho các tổ mẫu báo cáo thực hành | Các tổ trưởng báo cáo  Chuẩn bị dụng cụ đo gián tiếp chiều cao của một vật |
| BÁO CÁO THỰC HÀNH của tổ . . . lớp . . .  Đo khoảng cách giữa hai điểm trong đó có một đỉêm không thể tới được (Dựa vào tiết 50).  a/ Kết quả đo b/ Vẽ A’B’C’ có:  BC = B’C’ =  = A’B’ =  =  =  =  Hình vẽ:  Tính AB =  ĐIỂM THỰC HÀNH CỦA TỔ   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | STT | TÊN HS | Điểm chuẩn bị dụng cụ (2đ) | Ý thức kỷ luật (3đ) | Kỉ năng thực hành (5đ) | Tổng số điểm | |  |  |  |  |  |  |   *Nhận xét chung: ( tổ tự đánh giá)*  *Tổ trưởng kí tên* | |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**HOẠT ĐỘNG 1: Học sinh thực hành**

- Mục tiêu: Giúp HS biết cách đo khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một địa điểm không thể tới được.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động nhóm

- Phương tiện dạy học: dụng cụ thực hành

- Sản phẩm: Đo khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một địa điểm không thể tới được.

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| GV đưa HS đến địa điểm thực hành, phân công vị trí thực hành từng tổ.  HS thực hành theo tổ  ***GV giao nhiệm vụ:*** Hai tổ cùng đo khoảng cách giữa hai địa điểm để đối chiếu kết quả.  Các tổ thực hành hai nhóm.  - Mỗi tổ cử một thư kí ghi lại kết quả đo đạc và tình hình thực hành của tổ.  - Sau khi thực hành xong, các tổ trả giác kế, thước ngắm cho phòng đồ dùng dạy học.  Hs: thu xếp dụng cụ, vàolớp để hoàn thành báo cáo.  *GV kiểm tra kĩ năng thực hành của các tổ, nhắc nhở, hướng dẫn thêm HS* | Các tổ thực hành đo khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một địa điểm không thể tới được. |

**HOẠT ĐỘNG : Hoàn thành báo cáo, nhận xét, đánh giá**

- Mục tiêu: Nhận xét, đánh giá kết quả thực hành của HS.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

- Phương tiện dạy học: dụng cụ thực hành

- Sản phẩm: Tính được chiều cao của một vật, thông qua đo gián tiếp.Báo cáo kết quả thực hành của tổ, rút ra những hạn chế cần khắc phục trong quá trình thực hành.

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| GV yêu cầu các tổ hoàn thành báo cáo  Các tổ làm báo cáo theo yêu cầu của GV, tự đánh giá và cho điểm từng cá nhân.  Thông qua báo cáo và thực tế quan sát, kiểm tra nêu nhận xét và cho điểm thực hành từng tổ. | Các tổ báo cáo kết quả thực hành đo khoảng cách giữa hai địa điểm, trong đó có một địa điểm không thể tới được. |

**3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.**

**4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG.**

***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà để củng cố kiến thức đã học ở tiết học.

***Phương pháp***: Luyện tập, ghi chép.

- Làm các bài tập: 56, 58, 59/92 sgk

- Ôn lại toàn bộ chương III

- Trả lời câu hỏi sgk.

**\* CÂU HỎI/ BÀI TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HS:**

Câu 1: Nêu các bước đo gián tiếp khoảng cách giữa hai địa điểm (M1)

Câu 2: Kết quả đo gián tiếp và đo trực tiếp giống hay khác nhau ? (M2)

Câu 3: Thực hành đo gián tiếp khoảng cách giữa hai địa điểm (M3)

**Tiết 53,54 : ÔN TẬP CHƯƠNG III**

**I.MỤC TIÊU**:

**1.Kiến thức:**

**-** Hệ thống các kiến thức của chương III: đoạn thẳng tỉ lệ, định lí Talet, Talet đảo, tính chất đường phân giác trong tam giác, các trường hợp đồng dạng của tam giác.

**-** Chứng minh, viết các cặp cạnh tỉ lệ tương ứng của 2 tam giác đồng dạng, tính độ dài, chứng minh đẳng thức về cạnh.

**2.Năng lực :**

**-**  Năng lực chứng minh các đoạn thẳng bằng nhau, hai tam giác đồng dạng, các đường thẳng song song, tính độ dài đoạn thẳng, tính diện tích tam giác.

**3. Phẩm chất:** *Tự lực, chăm chỉ, vượt khó.*

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.**

**1. Giáo viên:** SGK, giáo án, thước kẻ, bảng phụ..

**2. Học sinh:** SGK, dụng cụ học tập.

**3. Bảng tham chiếu các mức yêu cầu cần đạt của câu hỏi, bài tập, kiểm tra, đánh giá:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Nhận biết**  **(M1)** | **Thông hiểu**  **(M2)** | **Vận dụng**  **(M3)** | **Vận dụng cao**  **(M4)** |
| Ôn tập chương III | Thuộc các định lý trong chương III | Vẽ được hình, biết tìm cách chứng minh. | CM các đoạn thẳng bằng nhau, các đường thẳng song song, tính độ dài đoạn thẳng, diện tích tam giác. | Tính độ dài đoạn thẳng. |

**III. TIẾN TRÌNH CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1. HOẠT ĐỘNGKHỞI ĐỘNG:**

**2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:**

**3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP.**

**HOẠT ĐỘNG 1: Ôn tập lý thuyết**

- Mục tiêu: Giúp HS nhớ lại các kiến thức đã học về tam giác đồng dạng.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân

- Phương tiện dạy học: SGK

- Sản phẩm: Trả lời các câu hỏi ôn tập chương III

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM.** |
| GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong phần ôn tập  HS : Đứng tại chỗ trả lời  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **I- Ôn tập lý thuyết:**  1. AB, CD tỉ lệ với A’B’, C’D’.khi  2. Định lý Ta-lét, định lý Ta-lét đảo, hệ quả định lý Ta-lét  3. Tính chất đường phân giác trong tam giác  4. Hai tam giác đồng dạng  5. Ba trường hợp đồng dạng của tam giác  6. Trường hợp đồng dạng đặc biệt của tam giác vuông. |

**HOẠT ĐỘNG 2: Giới thiệu các dạng bài**

***Mục tiêu***: giúp học sinh hình thành nội dung kiến thức và các dạng bài tập cũng như các ứng dụng của tam giác đồng dạng.

***Phương pháp:*** thuyết trình

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| Gv: nội dung các dạng bài | 1. Xác định tỉ số của hai đoạn thẳng  2. Chứng minh hai đoạn thẳng song song.  3. Chứng minh tam giác đồng dạng, tính tỉ số của hai đoạn thẳng , tỉ số diện tích. |

**HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP**

- Mục tiêu: Rèn kỹ năng vận dụng định lý Ta-lét, Ta-lét đảo, tính chất đường phân giác trong tam giác, các trường hợp đồng dạng của tam giác vào giải các bài tập.

- Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: thuyết trình, gợi mở, nêu vấn đề.

- Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm.

- Phương tiện dạy học: SGK, thước

- Sản phẩm: CM các đoạn thẳng bằng nhau, các đường thẳng song song, tính độ dài đoạn thẳng, diện tích tam giác.

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **SẢN PHẨM** |
| *GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:*  \* Làm BT 58 SGK  - Gọi HS đọc bài toán  GV: hướng dẫn vẽ hình, HS vẽ hình vào vở  GV: yêu cầu HS hoạt động cặp đôi chứng minh BK = CH  HS CM, cử đại diện lên bảng trình bày  GV nhận xét, đánh giá  GV: So sánh AK, AH.  HS: AB = AC; BK = CHAK = AH  GV: Chứng minh KH // BC? Áp dụng kiến thức nào?  HS:  => KH // BC (đl Talet đảo)  1 HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở  GV nhận xét, đánh giá  GV: Dựa vào hướng dẫn SGK, giải thích vì sao IAC  HBC ?  HS : 900,  chung  GV: Tính HC như thế nào?  HS: IAC  HBC    GV: Tính HK?  HS: KH// BC  KH=  1 HS lên bảng làm, các HS khác làm vào vở  GV nhận xét, đánh giá,chốt kiến thức.  \* Làm BT 60/92 SGK  - Gọi HS đọc bài toán  GV: hướng dẫn vẽ hình, HS vẽ hình vào vở  GV:  có đặc điểm gì đặc biệt?  HS: là nửa tam giác đều cạnh BC  GV: So sánh AB và BC?  HS:  GV: Dựa vào kiến thức nào để tính ?  HS: Tính chất đường phân giác của tam giác  GV: Gọi 1 HS lên bảng trình bày, các HS khác làm bài vào vở  GV nhận xét, đánh giá  GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm tính chu vi và diện tích của tam giác ABC.  HS tính, cử đại diện nhóm lên bảng trình bày  *GV nhận xét, đánh giá* | **BT 58/92 SGK**:  a) Chứng minh BK = CH  Xét  và  có:  BC: cạnh chung    (vì cân tại A)  = (ch-gn)  BK = CH (đpcm)  b) Chứng minh KH //BC:  Ta có: AB = AC; BK = CH  AK = AH    (định lí Ta-lét đảo)  c) Vẽ đường cao AI của ABC  Xét IAC và HBC có: 900,  chung  IAC  HBC (g-g)    AH = b-  KH// BC  (hệ quả của định lý Talet)  KH=  **BT 60/92 SGK**:  a) Tam giác ABC có:  A  B  C  D  0    là nửa tam  giác đều cạnh BC    Vì BD là đường phân giác của  nên :  .  b) BC = 2AB = 2.12,5 = 25 (cm).  Áp dụng định lý Pytago vào , ta có:    Gọi P và S theo thứ tự là chu vi và diện tích của tam giác ABC, ta có :  P = AB + BC + CA = 59,15 (cm)  S = AB.AC = 135,31 (cm2) |

**4.HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

- Học kĩ toàn bộ kiến thức của chương, học phần tóm tắt SGK/89, 90, 91.

- BTVN : 59, 62/92 SGK.

- Chuẩn bị bài ” Hình hộp chữ nhật ”

**\* CÂU HỎI/ BÀI TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HS:**

Câu 1: Nhắc lại định lý Ta-let, định lý Ta-let đảo, tính chất đường phân giác trong tam giác, các trường hợp đồng dạng của tam giác.

Câu 2: Bài 58 sgk (M2, M3)

Câu 3: Bài 60 sgk (M3, M4)